



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

11

Tháng 6 - 2011

PHÓ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ HOÀNG TRUNG HẢI VÀ BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG NGUYỄN HỒNG QUÂN THỊ SÁT NHÀ MÁY XỬ LÝ TÁI CHẾ RÁC THẢI SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, ngày 04 tháng 6 năm 2011



Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải phát biểu tại buổi làm việc tại Thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên



Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải và lãnh đạo các Bộ, ngành thị sát nhà máy xử lý, tái chế rác thải Sông Công

THÔNG TIN XÂY DỰNG CƠ BẢN & KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI HAI

11

SỐ 11 - 6/2011

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Quyết định số 735/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ đến năm 2020 5
- Quyết định số 798/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình đầu tư xử lý chất thải rắn giai đoạn 2011 - 2020 6
- Quyết định số 841/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam 7
- Thông tư số 71/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý, sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ 8
- Thông tư số 05/2011/TT-BXD của Bộ Xây dựng Quy định việc kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công tác khảo sát lập bản đồ địa hình phục vụ quy hoạch và thiết kế xây dựng 10

Văn bản của địa phương

- Chỉ thị số 17/CT-CTUBND của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về tăng cường trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong triển khai các biện pháp phòng cháy, chữa cháy tại các nhà chung cư, nhà nhiều tầng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa 12
- Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quy định về trình tự, thời gian lập thủ tục và phân cấp quản lý đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long 14



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN **(Phó ban)**

KS.HUYỀN PHƯỚC

CN.ĐÀO THỊ MINH TÂM

CN.BÙI THỊ QUỲNH ANH

CN.HOÀNG ĐẠI HẢI

CN.NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài:
 - + Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam: Thí nghiệm hiện trường phục vụ thiết kế 18
 - + Dự thảo tiêu chuẩn quốc gia “ Hướng dẫn sử dụng xi măng trong xây dựng” 20
- Thông báo danh sách các phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng được công nhận trong tháng 5/2011 21
- Lựa chọn vật liệu xây dựng theo đặc tính sinh thái 23
- Tái tạo sinh thái trong xây dựng không gian lịch sử 25
- Sản công nghiệp magezit TM ALPHAPOL 27
- Kỹ thuật khoan hiện đại và những yêu cầu đối với chúng 28
- Các tiêu chuẩn xây dựng “xanh” hiện đại 30

Thông tin

- Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải đến thăm và làm việc tại nhà máy xử lý và tái chế rác thải Sông Công, tỉnh Thái Nguyên 33
- Hội thảo góp ý về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2008/NĐ-CP về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch 34
- Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình đến năm 2025 36
- Quản lý tập trung rủi ro trong hợp đồng dự án BT 37
- Quy trình bình xét giải thưởng công trình chất lượng cao - Cúp “Lỗ Ban” của Trung Quốc 41
- Xây dựng cơ chế khoa học và công bằng trong quản lý đăng ký năng lực hành nghề 43



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Quyết định số 735/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ đến năm 2020

Ngày 18/5/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 735/QĐ-TTg phê duyệt Đề án hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ (KH&CN) đến năm 2020 với mục tiêu đưa Việt Nam trở thành nước mạnh trong một số lĩnh vực KH&CN vào năm 2020 phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, rút ngắn khoảng cách về trình độ KH&CN của nước ta với khu vực và thế giới.

Quan điểm của Đề án là tích cực, chủ động hội nhập quốc tế về KH&CN, bảo đảm độc lập, chủ quyền, an ninh quốc gia, bình đẳng và cùng có lợi; đa dạng hóa, đa phương hóa hợp tác, đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực KH&CN; phát triển thị trường KH&CN Việt Nam theo quy luật, chuẩn mực và hội nhập với thị trường thế giới; tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của các nước tiên tiến, tranh thủ tối đa các cơ hội để nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao.

Mục tiêu cụ thể của Đề án đã nêu rõ, đến năm 2015, đội ngũ cán bộ KH&CN Việt Nam có đủ năng lực trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của khu vực và thế giới trong một số lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm. Đến 2020, tổ chức KH&CN, doanh nghiệp Việt Nam trong một số lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm có đủ năng lực hợp tác với các đối tác nước ngoài, tiếp thu, làm chủ, đổi mới và sáng tạo công nghệ. Một số kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm của Việt Nam xác lập được vị trí trong thị trường khu vực và thế giới.

Để thực hiện được mục tiêu đề ra, Đề án đưa ra những nhiệm vụ cụ thể về nâng cao chất

lượng đội ngũ cán bộ KH&CN, cán bộ quản lý; huy động có hiệu quả các nguồn lực tài chính cho hoạt động hội nhập quốc tế về KH&CN; tăng cường nguồn lực thông tin phục vụ hội nhập quốc tế về KH&CN; thúc đẩy đổi mới công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao nhằm nâng cao tính cạnh tranh của một số sản phẩm quốc gia; xúc tiến thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ Việt Nam; đẩy mạnh hoạt động hội nhập quốc tế trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ và tiêu chuẩn đo lường chất lượng...

Về kế hoạch tổ chức thực hiện đề án, từ năm 2011 đến năm 2015, sẽ hoàn thành xây dựng và ban hành chính sách, cơ chế tài chính phục vụ đẩy mạnh hội nhập quốc tế về KH&CN; triển khai thực hiện các chương trình, dự án theo mục tiêu, nội dung và tiến độ đã được phê duyệt; tổng kết, đánh giá giữa kỳ việc thực hiện Đề án, đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế, trình Thủ tướng phê duyệt.

Từ năm 2016-2020, tiếp tục thực hiện các chương trình, dự án đã được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở kết quả đánh giá giữa kỳ; tổng kết, đánh giá việc thực hiện Đề án và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Kinh phí thực hiện Đề án được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước dành cho phát triển KH&CN ở Trung ương và địa phương kết hợp kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Quyết định số 798/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình đầu tư xử lý chất thải rắn giai đoạn 2011 - 2020

Ngày 25/5/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 798/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình đầu tư xử lý chất thải rắn giai đoạn 2011 - 2020. Mục tiêu tổng quát của Chương trình là huy động và tập trung các nguồn lực tham gia đầu tư vào lĩnh vực xử lý chất thải rắn nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn, cải thiện chất lượng môi trường, đảm bảo sức khỏe cộng đồng và góp phần vào sự nghiệp phát triển bền vững đất nước.

Mục tiêu cụ thể trong giai đoạn từ 2011 đến 2015 sẽ có 85% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh và 40% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường, trong đó tỷ lệ tái chế, tái sử dụng tương ứng là 60% và 50%; 80% tổng lượng chất thải rắn công nghiệp không nguy hại, 85% tổng lượng chất thải rắn y tế không nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường; 85% tổng lượng chất thải rắn công nghiệp và y tế nguy hại phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường.

Trong giai đoạn từ 2016 đến 2020, sẽ có 90% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị và 70% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý, trong đó tỷ lệ tái chế, tái sử dụng tương ứng là 85% và 60%; 90% tổng lượng chất thải rắn công nghiệp không nguy hại phát sinh được thu gom xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường, trong đó 75% được tái chế, tái sử dụng; 90% tổng lượng chất thải rắn công nghiệp nguy hại phát sinh được thu gom, xử lý; 100% tổng lượng chất thải rắn y tế phát sinh tại các cơ sở y tế, bệnh viện được thu gom, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường.

Chương trình này được áp dụng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ về đất đai (miền tiền sử

dụng đất, hỗ trợ giải phóng mặt bằng), thuế, đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật đến chân hàng rào công trình (đường giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, thông tin liên lạc), hỗ trợ nghiên cứu và phát triển công nghệ xử lý chất thải rắn, hỗ trợ đào tạo lao động và vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước theo các quy định hiện hành.

Về phương thức thực hiện, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định việc lựa chọn chủ đầu tư. Địa phương thông báo rộng rãi về quy hoạch, dự án và các cơ chế, chính sách thực hiện để kêu gọi đầu tư. Việc lựa chọn dự án phải phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch quản lý chất thải rắn được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các dự án được lựa chọn xây dựng ưu tiên theo các vùng, miền sau: các địa phương là trung tâm vùng; khu du lịch; các địa phương có công trình xử lý chất thải rắn có tính chất vùng theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; các địa phương thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long thường xuyên bị ngập lụt; các địa phương đang sử dụng bãi chôn lấp không hợp vệ sinh và chưa có các dự án đầu tư hoặc bãi chôn lấp đã hết hạn sử dụng và không mở rộng quy mô.

Tại Quyết định này, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan quan liên quan và địa phương tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm hiệu quả và đạt mục tiêu, tiến độ của Chương trình.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Quyết định số 841/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

Ngày 01/6/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 841/QĐ-TTg phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Theo Điều lệ được phê duyệt kèm theo Quyết định số 841/QĐ-TTg, Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM) thuộc loại hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ, hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con.

VICEM có chức năng trực tiếp sản xuất, kinh doanh và đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết; quản lý, chỉ đạo, chi phối các công ty con, công ty liên kết theo tỷ lệ chiếm giữ vốn điều lệ tại các công ty đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ; có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài; có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình; chịu trách nhiệm dân sự và thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các công ty con, công ty liên kết trong phạm vi số vốn do VICEM đầu tư.

VICEM có quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt đối với tên gọi, thương hiệu, biểu tượng riêng của VICEM theo quy định của pháp luật và có trách nhiệm kế thừa và thực hiện các quyền và nghĩa vụ hợp pháp của Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam tại thời điểm chuyển đổi.

Vốn điều lệ của VICEM tại thời điểm ngày 01/01/2010 là 11.958.000.000.000 đồng (Mười một nghìn chín trăm năm mươi tám tỷ đồng).

Theo Điều lệ này, Nhà nước là chủ sở hữu

của VICEM, Chính phủ thống nhất tổ chức thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với VICEM. Thủ tướng Chính phủ trực tiếp thực hiện hoặc phân công, phân cấp, ủy quyền cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với VICEM theo quy định của pháp luật.

VICEM có các quyền đối với vốn và tài sản, quyền kinh doanh và tổ chức kinh doanh, quyền về tài chính, quyền tham gia hoạt động công ích; đồng thời VICEM có nghĩa vụ bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại VICEM và vốn do VICEM huy động, thực hiện các nghĩa vụ trong kinh doanh, nghĩa vụ về tài chính...

Cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của VICEM gồm Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Bộ máy giúp việc, Ban Kiểm soát nội bộ. VICEM được quyền chủ động tổ chức, bố trí, thay đổi cơ cấu bộ máy điều hành, giúp việc để đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của VICEM phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.

Hội đồng thành viên là cơ quan đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu nhà nước tại VICEM; thực hiện một số quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu tại VICEM và quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các công ty do VICEM đầu tư toàn bộ vốn điều lệ và của chủ sở hữu đối với phần vốn góp của VICEM tại các doanh nghiệp khác; Hội đồng thành viên có quyền nhân danh VICEM để quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và quyền lợi của VICEM, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ hoặc phân cấp cho

các cơ quan, tổ chức khác được quy định tại Điều lệ này. Các thành viên Hội đồng thành viên cùng chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu và trước pháp luật về các quyết định của Hội đồng thành viên gây thiệt hại cho VICEM và chủ sở hữu, trừ thành viên biểu quyết không tán thành.

Hội đồng thành viên VICEM có từ 05 đến 07 thành viên do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng thành viên không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại. Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ cấu thành viên Hội đồng thành viên, số lượng thành viên chuyên trách và không chuyên trách của VICEM.

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động hàng ngày của

VICEM theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, phù hợp với Điều lệ của VICEM và quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng thành viên về việc thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

Tổng Giám đốc do Hội đồng thành viên bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận bằng văn bản; nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng. Người được tuyển chọn làm Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều lệ của VICEM.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Thông tư số 71/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý, sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ

Ngày 24/5/2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 71/2011/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập, quản lý, sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

Thông tư này hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua khen thưởng thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước, và các đơn vị dự toán, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc; Ủy ban nhân dân (UBND) các cấp, Văn phòng Hội đồng nhân dân các cấp, Văn phòng UBND, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các cấp; Tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ

chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp các cấp và các đơn vị dự toán trực thuộc; Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, hợp tác xã vận tải, hợp tác xã xây dựng, hợp tác xã nghề cá, nghề muối và trong các lĩnh vực khác.

Về nguyên tắc quản lý, sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng, Thủ tướng cơ quan cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cấp đó chịu trách nhiệm chi tiền thưởng từ nguồn tiền thưởng do cấp mình quản lý. Các tập thể, cá nhân thuộc Bộ, Ban, ngành, đoàn thể trung ương, địa phương được Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước quyết định khen thưởng thì Bộ, Ban, ngành, đoàn thể, địa phương đó có trách nhiệm

trích Quỹ thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị mình để chi thưởng và hạch toán chi thành mục riêng. Quỹ thi đua, khen thưởng phải sử dụng đúng mục đích, công khai, minh bạch.

Quỹ thi đua, khen thưởng của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước và các đơn vị dự toán trực thuộc được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài cho mục đích thi đua, khen thưởng và các nguồn thu hợp pháp khác. Hàng năm, căn cứ và dự toán chi ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền giao; căn cứ tổng quỹ lương theo ngạch bậc của số cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt hàng năm của số lao động hợp đồng trả lương theo thang bảng lương do Nhà nước quy định (không bao gồm quỹ tiền lương, tiền công của đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động); căn cứ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài cho mục đích thi đua, khen thưởng và nguồn thu hợp pháp khác; kết quả thực hiện Quỹ thi đua, khen thưởng năm trước và dự kiến tổng mức chi khen thưởng năm hiện hành, các cơ quan, đơn vị nói trên thực hiện trích lập Quỹ thi đua, khen thưởng từ ngân sách nhà nước với mức tối đa bằng 20% tổng Quỹ tiền lương chức vụ, ngạch, bậc hoặc cấp hàm của số cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm. Căn cứ vào tổng mức trích lập Quỹ thi đua, khen thưởng, và nhu cầu chi thi đua, khen thưởng của cơ quan mình và các đơn vị dự toán trực thuộc, thủ trưởng cơ quan cấp trên quyết định mức Quỹ thi đua, khen thưởng cho cấp mình và các đơn vị dự toán trực thuộc cho phù hợp.

Đối cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước được giao và mức trích lập Quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định tại Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của

Chính phủ, trên cơ sở nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài cho mục đích thi đua, khen thưởng và các nguồn thu hợp pháp khác, UBND các cấp ở địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định tỷ lệ trích Quỹ thi đua, khen thưởng trong dự toán ngân sách hàng năm. Mức trích tối đa từ nguồn ngân sách nhà nước bằng 1% chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc các tỉnh đồng bằng, thành phố và tối đa bằng 1,5% chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc các tỉnh miền núi, trung du, Tây Nguyên, vùng sâu, vùng xa.

Căn cứ tình hình thi đua, khen thưởng năm trước và dự kiến năm kế hoạch, Chủ tịch UBND các cấp quyết định mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng của các đơn vị dự toán trực thuộc. Trong Quyết định giao dự toán của Chủ tịch UBND các cấp cho các đơn vị dự toán trực thuộc phải ghi chú rõ mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng.

Quỹ thi đua, khen thưởng của tổ chức chính trị, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc các cấp và tổ chức chính trị - xã hội được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn thu hợp pháp khác. Hàng năm, căn cứ tính chất hoạt động đặc thù, căn cứ dự toán chi ngân sách đã được cấp có thẩm quyền giao, trên cơ sở nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài cho mục đích thi đua, khen thưởng và các nguồn thu hợp pháp khác, căn cứ thực hiện Quỹ thi đua, khen thưởng năm trước và dự kiến tổng mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng năm hiện hành, các tổ chức chính trị, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội dự kiến trích Quỹ thi đua, khen thưởng và tổng hợp cùng với bản dự kiến phân bổ dự toán gửi cơ quan tài chính thẩm định để thống nhất mức trích Quỹ thi đua, khen thưởng trong năm.

Các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (gọi chung là các hội) tự quyết định mức trích quỹ thi

đưa, khen thưởng căn cứ khả năng tài chính của tổ chức mình và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài, từ các nguồn thu hợp pháp khác.

Riêng đối với các hội đặc thù, mức trích tối đa để chi khen thưởng từ nguồn ngân sách nhà nước không quá 20% tổng Quỹ tiền lương chức vụ, ngạch, bậc của số biên chế được giao.

Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên: Quỹ thi đua, khen thưởng được trích lập theo chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp và từ các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho mục đích thi đua, khen thưởng (nếu có).

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên: Quỹ thi đua, khen thưởng được trích lập từ nguồn dự toán chi ngân sách nhà nước do cơ quan chủ quản cấp trên giao; từ phần chênh lệch thu lớn hơn chi và từ các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho mục đích thi đua, khen thưởng (nếu có).

Quỹ thi đua, khen thưởng của các hợp tác

xã nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, hợp tác xã vận tải, hợp tác xã xây dựng, hợp tác xã nghề muối... được trích theo quy định của Luật Hợp tác xã và Nghị định 42/2010/NĐ-CP.

Đối với Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, việc trích Quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 138/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận đối với công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác, Quỹ thi đua, khen thưởng được trích lập từ nguồn lợi nhuận sau thuế và từ quỹ lương. Mức trích lập do Hội đồng thành viên/Đại hội cổ đông hoặc Hội đồng quản trị/Ban giám đốc của doanh nghiệp quyết định phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của doanh nghiệp.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 8/7/2011 và thay thế Thông tư số 73/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính.

(Xem toàn văn tại: www.mof.gov.vn)

Thông tư số 05/2011/TT-BXD của Bộ Xây dựng Quy định việc kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công tác khảo sát lập bản đồ địa hình phục vụ quy hoạch và thiết kế xây dựng

Ngày 9/6/2011, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 05/2011/TT-BXD Quy định việc kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công tác khảo sát lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2000; 1/500; 1/1.000; 1/5.000 và 1/10.000 được sử dụng phục vụ quy hoạch và thiết kế xây dựng. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động liên quan đến việc kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công tác khảo sát đo đạc, lập bản đồ địa hình phục vụ quy hoạch và thiết kế xây dựng và không áp dụng đối với

công tác khảo sát đo đạc, lập bản đồ địa hình phục vụ trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng.

Theo Thông tư này, công tác kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu được thực hiện trên cơ sở quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy phạm, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật về khảo sát đo đạc địa hình do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và phương án kỹ thuật khảo sát, dự toán được Chủ đầu tư phê duyệt. Mục đích của việc kiểm tra, nghiệm thu là bảo đảm việc tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy

phạm, quy định kỹ thuật định mức kinh tế kỹ thuật về công tác khảo sát lập bản đồ địa hình phục vụ quy hoạch, thiết kế xây dựng và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; phát hiện những sai sót, vi phạm trong quá trình thực hiện để kịp thời xử lý, khắc phục bảo đảm chất lượng bản đồ địa hình; xác nhận chất lượng, khối lượng khảo sát đã hoàn thành.

Thông tư này quy định cụ thể trách nhiệm của các chủ thể liên quan, gồm chủ đầu tư, nhà thầu, tổ chức tư vấn.

Theo đó, chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện quản lý chất lượng khảo sát, bao gồm: lập và phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, phê duyệt phương án kỹ thuật, dự toán; tổ chức giám sát, thẩm định và nghiệm thu kết quả. Trường hợp chủ đầu tư không đủ năng lực thực hiện thì thuê tư vấn có đủ năng lực theo quy định của pháp luật để thực hiện.

Nhà thầu có trách nhiệm lập nhiệm vụ khảo sát đo đạc khi có yêu cầu của chủ đầu tư, lập phương án kỹ thuật và dự toán; thực hiện công tác khảo sát theo quy định, theo giấy phép kinh doanh trên cơ sở phương án kỹ thuật được chủ đầu tư phê duyệt và hợp đồng đã ký kết; cử người có đủ năng lực phù hợp làm chủ nhiệm khảo sát, bố trí đủ nhân lực có kinh nghiệm và chuyên môn phù hợp để thực hiện khảo sát, chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và trước pháp luật về kết quả do mình thực hiện...

Trường hợp chủ đầu tư thuê tư vấn thực hiện một số hoặc toàn bộ công việc liên quan đến: kiểm tra, giám sát, thẩm định, nghiệm thu công tác khảo sát, tổ chức tư vấn có trách nhiệm thực hiện đúng nhiệm vụ theo yêu cầu của chủ đầu tư được thể hiện trong hợp đồng kinh tế; cử người có năng lực phù hợp để thực hiện kiểm tra, giám sát, thẩm định, nghiệm thu công tác khảo sát; kiểm tra sự phù hợp về điều kiện năng lực của nhà thầu khảo sát, chủ nhiệm khảo sát, về thiết bị mà nhà thầu đã cam kết với chủ đầu tư trong hồ sơ dự thầu hoặc trong hợp đồng đã ký kết; giám sát toàn bộ quy trình thực hiện

khảo sát ngoài hiện trường và trong phòng theo phương án kỹ thuật được duyệt; thẩm định, nghiệm thu xác nhận khối lượng, chất lượng các hạng mục khảo sát để làm cơ sở cho chủ đầu tư quyết toán; chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư, trước pháp luật về chất lượng và khối lượng khảo sát công trình, bồi thường thiệt hại nếu không phát hiện được việc nhà thầu thực hiện không đúng phương án kỹ thuật được duyệt dẫn đến kết quả thực tế không đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ và phải khảo sát lại, khảo sát bổ sung hoặc các hành vi gây thiệt hại khác do lỗi của mình gây ra.

Quy định về công tác kiểm tra, theo Thông tư này, chủ đầu tư phải kiểm tra năng lực của nhà thầu, của chủ nhiệm khảo sát và nhân lực để thực hiện gói thầu phù hợp với hồ sơ dự thầu và các quy định pháp luật có liên quan; kiểm tra trang thiết bị về sự phù hợp với hồ sơ dự thầu, kiểm tra hồ sơ kiểm định máy móc và các thiết bị kỹ thuật có liên quan dùng cho công tác khảo sát; kiểm tra chất lượng gia công và lắp đặt các mốc chuẩn, mốc khống chế cao độ và tọa độ sử dụng trong công tác đo vẽ; kiểm tra việc bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình xây dựng khác trong vùng, địa điểm khảo sát; kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan trong khu vực và phục hồi nguyên trạng hiện trường sau khi kết thúc khảo sát của nhà thầu; kiểm tra tiến độ thực hiện theo phương án đã được duyệt và quy định của hợp đồng.

Đối với nhà thầu, cần kiểm tra thước mia, máy và các thiết bị kỹ thuật có liên quan, sổ đo, sổ ghi nhật ký và các tài liệu theo yêu cầu kỹ thuật về đo đạc bản đồ sử dụng cho công tác khảo sát; kiểm tra chất lượng, khối lượng các công việc thực hiện ngoài hiện trường, trong phòng, kiểm tra việc đảm bảo an toàn cho người và thiết bị, tiến độ thực hiện...

Về công tác thẩm định công tác khảo sát lập bản đồ địa hình, Thông tư này đưa ra các quy định về cơ sở pháp lý để thẩm định, hồ sơ trình

thẩm định, nội dung thẩm định, cơ quan thẩm định. Theo đó hồ sơ trình thẩm định gồm có: Tờ trình thẩm định; hồ sơ năng lực tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện công việc khảo sát; hợp đồng, phương án kỹ thuật được chủ đầu tư phê duyệt; báo cáo tổng kết kỹ thuật công trình khảo sát (bản vẽ và thuyết minh); các văn bản pháp lý có liên quan.

Nội dung thẩm định bao gồm: Điều kiện năng lực của nhà thầu, năng lực hành nghề của chủ nhiệm dự án khảo sát; việc áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về khảo sát lập bản đồ địa hình; phạm vi đo vẽ và khối lượng thực hiện thực tế; chất lượng các công việc ngoài hiện trường và trong phòng.

Kết quả thẩm định là cơ sở để chủ đầu tư nghiệm thu sản phẩm bản đồ địa hình.

Sở Xây dựng tổ chức thẩm định các bản đồ địa hình phục vụ quy hoạch xây dựng; đối với trường hợp không thuộc nguồn vốn của địa

phương thì cơ quan quyết định đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định; các bản đồ phục vụ thiết kế xây dựng công trình do chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định. Trường hợp cần thiết, cơ quan tổ chức thẩm định có thể thuê tư vấn thẩm tra một số hoặc toàn bộ nội dung thẩm định.

Nội dung nghiệm thu bao gồm: khối lượng đã thực hiện đạt chất lượng kỹ thuật so với khối lượng được phê duyệt trong phương án kỹ thuật khảo sát và dự toán; mức độ khó khăn của điều kiện địa hình, địa vật đối với các hạng mục công việc. Thời gian nghiệm thu không quá 15 ngày làm việc kể từ khi chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Kết quả nghiệm thu phải được lập thành biên bản. Chi phí kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu được tính trong tổng mức đầu tư của dự toán khảo sát do chủ đầu tư chi trả.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/7/2011.

(Xem toàn văn tại: www.moc.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Chỉ thị số 17/CT-CTUBND của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa về tăng cường trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong triển khai các biện pháp phòng cháy, chữa cháy tại các nhà chung cư, nhà nhiều tầng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Ngày 27/5/2011, Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa đã có Chỉ thị số 17/CT-CTUBND yêu cầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan tăng cường trách nhiệm trong triển khai các biện pháp phòng cháy, chữa cháy tại các nhà chung cư, nhà nhiều tầng trên địa bàn tỉnh.

Cụ thể, đối với chung cư chưa thành lập Ban quản trị, nhà nhiều tầng nhiều hộ, các chủ đầu tư, Trung tâm quản lý nhà và chung cư, Công ty TNHH một thành viên Sông Hồng Nha Trang hoặc cơ quan, đơn vị đang quản lý nhà chung

cư, nhà nhiều tầng có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, rà soát thực trạng công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC) tại các chung cư, nhà nhiều tầng nhiều hộ do mình quản lý để chủ động có kế hoạch phối hợp với Sở Xây dựng, Công an tỉnh, UBND các cấp giải quyết dứt điểm các vi phạm về lối thoát nạn, tình trạng lấn chiếm hành lang an toàn, tình trạng coi nới, rào chắn, hành lang, ban công của các hộ dân sống tại chung cư; đảm bảo kinh phí trang bị, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các phương tiện chữa

cháy, cải tạo hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng sự cố, các biển chỉ dẫn thoát nạn; khắc phục và sửa chữa hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy vách tường, các phương tiện chữa cháy cầm tay tại các chung cư, nhà cao tầng để đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ.

Đối với các chung cư mà chủ đầu tư đã ký hợp đồng bán căn hộ trước ngày Luật Nhà ở có hiệu lực thi hành, Chủ đầu tư, Trung tâm Quản lý Nhà và Chung cư, Công ty TNHH một thành viên Sông Hồng Nha Trang hoặc đơn vị đang quản lý nhà chung cư tổ chức thu khoản kinh phí đóng góp bảo trì phần sở hữu chung theo quy định tại Điểm c, Khoản 1 Điều 51 Nghị định số 71/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở; Xây dựng phương án PCCC và phương án thoát nạn cụ thể; phối hợp với UBND xã, phường, thị trấn sở tại để thành lập lực lượng chữa cháy dân phòng theo hướng dẫn của Công an tỉnh; Tổ chức hướng dẫn cho những người sống tại chung cư, nhà nhiều tầng nhiều hộ biết cách PCCC và thoát nạn khi có sự cố xảy ra, đồng thời phải đảm bảo cho công tác chữa cháy và cứu hộ thuận lợi nhất. Riêng nhà chung cư, khẩn trương tiến hành thành lập Ban quản trị nhà chung cư, xây dựng nội quy nhà chung cư, quy chế hoạt động của Ban quản trị, trong đó phải quy định rõ về công tác PCCC, đồng thời kết hợp tuyên truyền về công tác PCCC khi Hội nghị nhà chung cư.

Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn thiết kế, đơn vị quản lý nhà chung cư, nhà cao tầng cần tăng cường trách nhiệm đối với các công tác sau:

- Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình nhà chung cư, nhà cao tầng, chủ đầu tư, đơn vị tư vấn thiết kế phải trình thẩm duyệt về PCCC theo hướng dẫn của Phòng Cảnh sát PCCC và cứu nạn, cứu hộ trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư;

- Khi kết thúc đầu tư xây dựng phải thực hiện nghiệm thu về PCCC trước khi bàn giao đưa công trình nhà chung cư, nhà cao tầng vào sử

dụng theo hướng dẫn của Phòng Cảnh sát PCCC và cứu nạn, cứu hộ;

- Việc thiết kế, thi công, nghiệm thu về PCCC công trình nhà chung cư, nhà cao tầng phải đạt tiêu chuẩn TCVN 3890:2009 phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình, cùng với các quy chuẩn, tiêu chuẩn theo quy định hiện hành. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý nhà chung cư, nhà cao tầng không được nhận bàn giao, đưa vào sử dụng những công trình chưa được nghiệm thu về PCCC.

- Chủ đầu tư, đơn vị quản lý nhà chung cư, nhà cao tầng có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, kịp thời phát hiện và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền giải quyết dứt điểm các vi phạm về quy định PCCC.

UBND xã, phường, thị trấn nơi có chung cư, nhà nhiều tầng cần tăng cường lực lượng dân phòng tại mỗi chung cư, nhà nhiều tầng trên địa bàn quản lý, thành lập lực lượng chữa cháy dân phòng theo hướng dẫn của Công an tỉnh; tổ chức tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân đang quản lý sử dụng, sinh sống tại chung cư, nhà nhiều tầng thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về pháp luật PCCC, xử lý nghiêm các vi phạm quy định về PCCC tại các chung cư, nhà nhiều tầng trên địa bàn quản lý theo thẩm quyền; Kịp thời báo cáo và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền xử lý nghiêm các vi phạm quy định PCCC tại các chung cư, nhà nhiều tầng trên địa bàn.

Đối với chung cư, nhà nhiều tầng được đầu tư xây dựng từ trước 1975 hoặc đơn vị chủ quản đã giải thể, chia tách, sáp nhập, phá sản ... mà không có đơn vị nhận bàn giao quản lý hoặc chủ đầu tư không thực hiện trách nhiệm tổ chức quản lý sau đầu tư xây dựng thì UBND phường, thị trấn đảm nhiệm làm đơn vị quản lý, thực hiện các trách nhiệm và quy định về PCCC.

UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm đôn đốc, chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn thực hiện các quy định tại Chỉ thị này; phối hợp với cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xử lý

nghiêm các vi phạm quy định về PCCC tại các chung cư, nhà nhiều tầng trên địa bàn quản lý, đặc biệt là các vi phạm về lấn chiếm hành lang an toàn, rào chắn ban công, thang chữa cháy

ngoài nhà làm cản trở công tác chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn tại chung cư, nhà nhiều tầng.

(Xem toàn văn tại: www.khanhhoa.gov.vn)

Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quy định về trình tự, thời gian lập thủ tục và phân cấp quản lý đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Ngày 30/5/2011, UBND tỉnh Vĩnh Long đã có Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND ban hành Quy định về trình tự, thời gian lập thủ tục và phân cấp quản lý đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Bản quy định này quy định, UBND tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh và giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng công trình thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo phân cấp; Thời gian để các sở, ban ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố xem xét giải quyết hoặc đề xuất, kiến nghị được nêu trong quy định này, phải thực hiện theo đúng quy định về cải cách thủ tục hành chính và quy chế hoạt động của UBND tỉnh; Cơ quan có chức năng thực hiện công tác thẩm định, thẩm tra phải nghiêm túc công khai quy trình thủ tục thực hiện công tác thẩm định, thẩm tra, trong đó quy định cụ thể nội dung, thời gian, số lượng của mỗi loại hồ sơ; Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của chủ đầu tư, cơ quan thực hiện công tác thẩm định, thẩm tra phải kết luận hồ sơ hợp lệ hay chưa hợp lệ, ra biên nhận hoặc trả hồ sơ để chủ đầu tư bổ sung.

Bản Quy định này áp dụng cho các giai đoạn đầu tư và mọi hoạt động xây dựng, bao gồm: Lập dự án đầu tư xây dựng công trình, khảo sát, thiết kế, thi công, giám sát, quản lý dự án, lựa chọn nhà thầu và các hoạt động khác có liên quan đến xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Đối với các dự án ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước: Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và quy định thực hiện theo Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các Thông tư hướng dẫn thực hiện.

Đối với dự án của doanh nghiệp sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước, vốn tín dụng do nhà nước bảo lãnh, vốn đầu tư phát triển của các doanh nghiệp nhà nước, thì nhà nước chỉ quản lý về chủ trương, quy hoạch, quy mô và tiến độ đầu tư.

Quy định này áp dụng đối với các chủ đầu tư sử dụng vốn nhà nước bao gồm: Vốn ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ chính thức, vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước, vốn tín dụng do nhà nước bảo lãnh và vốn đầu tư khác của nhà nước.

Quy định này đề ra yêu cầu, khi đầu tư các dự án, phải tuân thủ đúng định hướng phát triển theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phải phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, phát triển ngành và quy hoạch xây dựng trên địa bàn được cấp thẩm quyền phê duyệt. Dự án không có trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng được duyệt thì do cơ quan có thẩm quyền quyết định.

Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định chủ

trương đầu tư xây dựng công trình. Trưởng phòng Tài chính kế hoạch cấp huyện chịu trách nhiệm trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư xây dựng công trình theo phân cấp. Nội dung xin chủ trương đầu tư phải nêu được những căn cứ về sự cần thiết phải đầu tư xây dựng công trình, các điều kiện thuận lợi, khó khăn, dự kiến quy mô đầu tư: Các hạng mục công trình, diện tích xây dựng, dự kiến địa điểm xây dựng, nhu cầu sử dụng đất; hình thức đầu tư, mục tiêu đầu tư, chủ đầu tư, sơ bộ tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư, thời gian thực hiện và hoàn thành dự án, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án. Chủ trương đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cùng cấp xem xét quyết định.

Các sở, ban ngành, UBND cấp huyện, cấp xã phải thực hiện đúng trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng công trình theo quy định. Cấp nào vi phạm, Chủ tịch UBND cấp đó phải chịu trách nhiệm.

Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm rà soát lại các dự án đã có quyết định đầu tư, xác định dự án để tiếp tục đầu tư hoặc điều chỉnh, bổ sung hoặc kết thúc dự án, không bố trí kế hoạch vốn cho các dự án, công trình chưa có chủ trương đầu tư, chưa đủ thủ tục theo quy định, không phù hợp quy hoạch hoặc dự án kém hiệu quả.

Dự án bố trí kế hoạch vốn phải đảm bảo các điều kiện: Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư phải có chủ trương đầu tư phù hợp với quy hoạch được duyệt; Bố trí vốn chuẩn bị thực hiện dự án, phải có quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật; Bố trí vốn thực hiện dự án phải có quyết định đầu tư xây dựng công trình, quyết định phê duyệt thiết kế dự toán được duyệt tại thời điểm 31/10 trước năm kế hoạch; Không bố trí vốn bằng hình thức tạm ứng cho các dự án không có trong danh mục đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt và Ủy ban nhân dân quyết định giao kế hoạch từ đầu năm. Trường hợp đặc biệt phải ứng vốn để triển khai thực hiện dự án do Chủ tịch UBND cùng cấp xem

xét quyết định, trên cơ sở đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư và Phòng Tài chính kế hoạch.

Về việc lập thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng công trình, Quy định này quy định rõ, đối với công trình thuộc đối tượng phải thi tuyển kiến trúc, thiết kế cơ sở phải xuất phát từ phương án thiết kế kiến trúc đã được lựa chọn thông qua thi tuyển. Đối với công trình không phải thi tuyển kiến trúc, thiết kế cơ sở do chủ đầu tư lập hoặc thuê nhà thầu thiết kế lập. Khi lập đề bài cho công trình phải thi tuyển hoặc nhiệm vụ thiết kế cho công trình không phải thi tuyển, chủ đầu tư cần dựa trên quy hoạch chi tiết xây dựng hoặc tổng mặt bằng được phê duyệt, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam và các quy định của ngành. Trường hợp sử dụng quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn xây dựng của nước ngoài cần thực hiện theo Thông tư số 40/2009/TT-BXD của Bộ Xây dựng về quy định áp dụng tiêu chuẩn xây dựng nước ngoài trong hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

Về thời gian lập thủ tục đầu tư xây dựng công trình, theo Quy định này, thời gian lập dự án đầu tư xây dựng công trình không quá 12 tháng đối với dự án nhóm A, không quá 06 tháng đối với dự án nhóm B và không quá 3 tháng đối với dự án nhóm C, kể từ ngày có chủ trương của cấp thẩm quyền cho phép đầu tư. Đối với dự án nhóm A, thời gian thẩm định dự án không quá 40 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó thời gian xem xét cho ý kiến thiết kế cơ sở và ý kiến của các cơ quan liên quan không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án. Đối với dự án nhóm B, thời gian thẩm định dự án không quá 30 ngày làm việc, trong đó thời gian xem xét cho ý kiến thiết kế cơ sở và ý kiến của các cơ quan liên quan không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án. Đối với dự án nhóm C, thời gian thẩm định dự án không quá 20 ngày làm việc, trong đó thời gian xem xét cho ý kiến thiết kế cơ sở và ý kiến của các cơ quan liên quan không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án.

Trường hợp dự án sử dụng vốn vay tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, thực hiện theo quy định của Ngân hàng phát triển Việt Nam.

Cũng theo Quy định này, thời gian phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình không quá 6 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của cơ quan thẩm định; thời gian lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình không quá 2 tháng, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư; thời gian thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình không quá 10 ngày làm việc và thời gian phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình không quá 6 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của cơ quan thẩm định.

Thời gian khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán xây dựng công trình không quá 12 tháng đối với dự án nhóm A; không quá 6 tháng đối với dự án nhóm B và không quá 3 tháng đối với dự án nhóm C. Thời gian thẩm định thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán đối với những công trình xây dựng không quá 30 ngày làm việc đối với dự án nhóm A; không quá 20 ngày làm việc đối với dự án nhóm B và không quá 15 ngày làm việc đối với dự án nhóm C, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Về phân cấp quản lý đầu tư xây dựng công trình, theo Quy định này, Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt các dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư (trừ các dự án nhà ở). Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư các dự án trong phạm vi và khả năng cân đối ngân sách của huyện, xã đến quy mô dự án nhóm A, sau khi thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp. Các dự án sử dụng vốn khác, vốn hỗn hợp, chủ đầu tư quyết định đầu tư và chịu trách nhiệm.

Công trình xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp mở rộng thuộc vốn sự nghiệp có tính chất xây dựng cơ bản, kiến thiết thị chính thuộc nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản có tổng mức đầu tư từ 200 triệu đồng đến dưới 600 triệu

đồng, chủ đầu tư lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, tự tổ chức thẩm định, phê duyệt và thực hiện sau khi có chủ trương của cấp thẩm quyền; công trình có tổng mức đầu tư dưới 200 triệu đồng, chủ đầu tư lập bảng chiết tính vật tư, nhân công và phê duyệt bản chiết tính; tự tổ chức triển khai thi công sau khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền. Khi thanh toán, quyết toán phải có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của Bộ Tài chính.

Tại Quy định này, UBND tỉnh Vĩnh Long phân cấp cho Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định các công trình lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật có mức vốn đầu tư từ 10 tỷ đồng đến dưới 15 tỷ đồng (trừ các công trình nhà ở) trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư; thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật và quyết định đầu tư các công trình có mức vốn đầu tư dưới 10 tỷ đồng (trừ công trình nhà ở), sau khi có chủ trương đầu tư của cấp thẩm quyền; quyết định phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư do trượt giá hoặc do cơ chế chính sách nhà nước thay đổi (trừ các trường hợp làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu dự án).

Sở Xây dựng thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật các công trình nhà ở có mức vốn đầu tư từ 10 tỷ đồng đến dưới 15 tỷ đồng, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư; thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật và quyết định đầu tư các công trình nhà ở có mức vốn đầu tư dưới 10 tỷ đồng, sau khi có chủ trương đầu tư của cấp thẩm quyền; quyết định phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư do trượt giá hoặc do cơ chế chính sách nhà nước thay đổi (trừ các trường hợp làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu dự án).

Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư đối với các công trình lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (kể cả công trình nhà ở) trong phạm vi và khả năng cân đối ngân sách của huyện, xã, sau khi thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp; quyết định đầu tư các công trình thuộc nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh có mức vốn hỗ trợ không quá 10 tỷ đồng; quyết định phê duyệt

điều chỉnh tổng mức đầu tư do trượt giá hoặc do cơ chế chính sách nhà nước thay đổi (trừ các trường hợp làm thay đổi địa điểm, quy mô, mục tiêu dự án).

Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư các công trình thuộc nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách cấp trên không quá 500 triệu đồng.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 13/2010/QĐ-UBND của UBND tỉnh ban hành quy định về trình tự, thời gian lập thủ tục và phân cấp quản lý đầu tư xây dựng công trình

trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 23/2010/QĐ-UBND về sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 13/2010/QĐ-UBND.

Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình đã được phê duyệt dự án, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không phải trình duyệt lại, các nội dung công việc tiếp theo thực hiện theo Quyết định này.

(Xem toàn văn tại: www.vinhlong.gov.vn)

Nghiệm thu đề tài:

Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam: Thí nghiệm hiện trường phục vụ thiết kế

Ngày 27/5/2011, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu đề tài KHHCN “Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam: Thí nghiệm hiện trường phục vụ thiết kế”, do Viện KHHCN Xây dựng Bộ Xây dựng thực hiện; Chủ nhiệm đề tài là PGS. TSKH. Trần Mạnh Liễu.

Theo báo cáo của nhóm đề tài trình bày trước Hội đồng, tiêu chuẩn châu Âu ENV 1997 liên quan đến công tác khảo sát địa kỹ thuật phục vụ xây dựng và là một tiêu chuẩn đặc biệt quan trọng được sử dụng như là một tài liệu kỹ thuật cơ bản trong việc giải các bài toán địa kỹ thuật. Tiêu chuẩn bao gồm 3 phần: ENV 1997-1: 1994 Thiết kế địa kỹ thuật - Phần 1: Các nguyên tắc chung; ENV 1997-2: 2000 - Phần 2: Các thí nghiệm trong phòng phục vụ thiết kế; ENV 1997-3: 1998 Thiết kế địa kỹ thuật - Phần 3: Các thí nghiệm ngoài trời phục vụ thiết kế.

Cho đến nay, các Phần 1 và 2 của ENV 1997 đã được biên dịch, riêng Phần 3 cũng đã được lựa chọn biên dịch trước một số thí nghiệm như: Thí nghiệm nén ngang trong hố khoan, thí nghiệm bần nén, thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn, thí nghiệm xuyên tĩnh,... Các mục 6,7,8,9 và 10 của Phần 3 bao gồm: Thí nghiệm xuyên động (DP), thí nghiệm xuyên trọng lượng (WST), thí nghiệm cắt cánh (FVT), thí nghiệm tẩm nén ngang (DMT) và thí nghiệm dẫn nổ trong đá (RDT) chưa được chuyển dịch.

Hiện nay Bộ Xây dựng chủ trương chuyển đổi hệ thống tiêu chuẩn xây dựng của Việt Nam theo tiêu chuẩn châu Âu trong đó tiêu chuẩn Thiết kế địa kỹ thuật cũng nằm trong kế hoạch chuyển đổi này. Vì vậy, nhóm đề tài đã tiến hành việc chuyển dịch ENV 1997-3:1999 Thiết kế địa kỹ thuật - Phần 3: Các thí nghiệm ngoài



Toàn cảnh cuộc họp của Hội đồng nghiệm thu

trời phục vụ thiết kế với các mục sau: Mục 6: Thí nghiệm xuyên động (DP); Mục 7: Thí nghiệm xuyên trọng lượng (WST), Mục 8: Thí nghiệm cắt cánh (FVT), Mục 9: Thí nghiệm tẩm nén ngang (DMT) và Mục 10: thí nghiệm dẫn nổ trong đá (RDT).

Theo nghiên cứu của nhóm đề tài, thí nghiệm xuyên động đã được sử dụng ở nước ta từ những năm 1970 với các thiết bị của Nga, Đức, Pháp, tuy nhiên về sau không được phổ biến vì phạm vi áp dụng hạn chế. Ở Việt Nam hiện nay đang sử dụng TCXD 112:1984. Tiêu chuẩn này chỉ giới thiệu xuyên động loại nặng (trọng lượng búa 63,5 kg), không đề cập đến điều chỉnh số liệu thí nghiệm về thất thoát năng lượng.

Thí nghiệm xuyên trọng lượng được áp dụng ở nước ta từ đầu những năm 1980 - 1990 xuất phát từ sự hợp tác với Thụy Điển. Viện KHHCN xây dựng đã soạn hướng dẫn sử dụng thiết bị này. Hiện nay, trên các công trường Việt Nam thí nghiệm này ít được sử dụng, tiêu chuẩn thí nghiệm tương ứng chưa có.

Thí nghiệm cắt cánh được áp dụng rộng rãi

từ lâu ở nước ngoài. Ở Việt Nam thí nghiệm này cũng đã và đang được sử dụng phổ biến cho đến nay. Đây là phương pháp rất hữu hiệu cho đất yếu. Thiết bị thí nghiệm cắt cánh tương đối đa dạng (to, nhỏ, loại nhẹ, loại cơ học,...). Tiêu chuẩn hiện hành áp dụng ở Việt Nam là TCXD 112:1984, nhưng rất sơ lược và đã lâu chưa được bổ sung, soát xét.

Thí nghiệm tấm nén ngang cho đến nay chỉ được biết đến qua các tài liệu và hầu như chưa được sử dụng ở nước ta. Đây là thí nghiệm rất mới của Italia so với SPT, CPT và có thể thay thế tốt thí nghiệm nén ngang trong hố khoan. Thí nghiệm được sử dụng tương đối phổ biến ở các nước EU. Ở Việt Nam thiết bị và phương pháp này còn chưa được áp dụng, các tài liệu giới thiệu về thí nghiệm đã có và được các chuyên gia đầu ngành hết sức ủng hộ, tuy nhiên tài liệu pháp quy chưa có.

Thí nghiệm dẫn nổ trong đá RDT chủ yếu được dùng với đá cứng để xác định sự biến đổi đặc tính biến dạng theo độ sâu. Ở Việt Nam thiết bị và phương pháp thí nghiệm này chưa được áp dụng; tài liệu giới thiệu về phương pháp còn rất hạn chế; tài liệu pháp quy hiện chưa có.

Tiêu chuẩn EVN 1997-3:1998/các mục 6,7,8,9 và 10 được trình bày theo nội dung và bố cục thống nhất, nhằm cung cấp cho người sử dụng các thông tin cần thiết về những quy định và giới thiệu chung của phương pháp, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị thí nghiệm, quy trình thí nghiệm, diễn giải kết quả thí nghiệm, báo cáo kết quả và vấn đề sử dụng kết quả thí nghiệm trong các bài toán địa kỹ thuật.

Nội dung của tiêu chuẩn liên quan đến từng phương pháp thí nghiệm đều bao gồm phần văn bản tiêu chuẩn và các phụ lục. Phần văn bản tiêu chuẩn có các nội dung như sau: Các quy định chung; Định nghĩa và thuật ngữ; Thiết bị; Quy trình thí nghiệm; Diễn giải kết quả thí nghiệm; Báo cáo kết quả thí nghiệm; Xác định các thông số địa kỹ thuật.

Tiêu chuẩn EVN 1997-3: 1998/6,7,8,9 và 10 là văn bản tiêu chuẩn mang tính hướng dẫn kỹ thuật cao, tính thực dụng nhiều, dễ hiểu và tiện áp dụng; nội dung tiêu chuẩn đề cập tới hầu hết các loại thí nghiệm ngoài trời cần thiết cho công tác khảo sát địa kỹ thuật. Đây là tài liệu rất quen thuộc ở nước ta hiện nay và tài liệu tham khảo rất hiệu quả cho những người làm công tác khảo sát địa kỹ thuật và người thiết kế. Việc chuyển dịch tiêu chuẩn là rất có ích không chỉ đối với các thí nghiệm mới mà đối với cả các thí nghiệm đã phổ biến ở nước ta.

Sau khi nghe nhóm đề tài báo cáo, các chuyên gia phản biện và các thành viên Hội đồng nghiệm thu đã tham gia ý kiến. Nhìn chung, các thành viên Hội đồng đánh giá nhóm đề tài đã hoàn thành tốt công tác chuyển dịch tiêu chuẩn, các thuật ngữ chuyên môn kỹ thuật đã được dịch sát nghĩa và sử dụng phù hợp, tuy còn một số thuật ngữ cần chuyển nghĩa cho chính xác hơn để người dùng dễ hiểu và dễ sử dụng. Nhóm đề tài cũng cần bổ sung, làm rõ hơn về hệ số hiệu chỉnh ma sát trong thí nghiệm xuyên động cũng như phân tích đánh giá thêm về các ưu điểm và nhược điểm của các thí nghiệm.

Phát biểu kết luận, TS. Nguyễn Trung Hoà - Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường Bộ Xây dựng, Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu khẳng định sự cần thiết của việc biên soạn tiêu chuẩn, đồng thời đề nghị nhóm đề tài nghiên cứu chỉnh sửa và bổ sung một số vấn đề liên quan đến việc trình bày đề tài theo mẫu quy định, chỉnh sửa tên tiêu chuẩn; biên soạn lại các thí nghiệm cắt cánh, tấm nén ngang và dẫn nổ đá thành 3 tiêu chuẩn riêng biệt; xem lại các thuật ngữ trên cơ sở tham khảo các bản tiêu chuẩn EVN mới được ban hành chính thức. Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu cũng công bố Hội đồng nhất trí nghiệm thu các kết quả của đề tài và đánh giá đề tài đạt loại Khá.

Huỳnh Phước

Dự thảo tiêu chuẩn quốc gia “ Hướng dẫn sử dụng xi măng trong xây dựng”

Ngày 27/5/2011, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu kết quả nghiên cứu của đề tài biên soạn Dự thảo tiêu chuẩn quốc gia “Hướng dẫn sử dụng xi măng trong xây dựng” do Th.S Trần Tuấn Nhạc – Viện VLXD Bộ Xây dựng làm chủ nhiệm

Theo trình bày của chủ nhiệm đề tài, hiện nay ở nước ta, xi măng khá phong phú về chủng loại cũng như các cấp mác. Chất lượng sản phẩm xi măng ngày càng được nâng cao và có nhiều loại có tính năng đặc biệt. Do đó, việc quy định sử dụng hợp lý chủng loại xi măng trong các công trình xây dựng là cần thiết, nhằm đáp ứng các tính năng cũng như tăng tuổi thọ của bê tông.

Dự thảo tiêu chuẩn “Hướng dẫn sử dụng xi măng trong xây dựng” được xây dựng trên cơ sở các tài liệu trong nước và thế giới. Nội dung cơ bản dựa vào tiêu chuẩn ngành TCXD 65:1989; tiêu chuẩn ngành thủy lợi 14TCN 114-2001, 14TCN 66-2001 và tham khảo các TCVN, TCXDVN về xi măng và bê tông ; việc tham khảo tài liệu nước ngoài chủ yếu dựa vào các tài liệu của Viện nghiên cứu bê tông Mỹ như ACI 225R, ACI201.2R, ACI 318, ACI 350, tham khảo tiêu chuẩn GOST 23464 -79 của LB Nga và các tài liệu khác như BS EN 206-1:2000...

Theo báo cáo phản biện của TS. Đỗ Đức Oanh - Tổng thư ký Hiệp hội Xi măng Việt Nam, việc soạn thảo tiêu chuẩn này hoàn toàn phù hợp và cần thiết trong hình hiện nay, khi các công trình xây dựng ngày càng nhiều và đa dạng, nhưng việc sử dụng đúng tính chất, chủng loại xi măng còn quá ít.

Trong các ý kiến đóng góp cho dự thảo tiêu chuẩn và nhóm đề tài, các thành viên Hội đồng đề nghị cụ thể tên gọi của dự thảo là “Hướng dẫn lựa chọn và sử dụng xi măng trong xây dựng”, và đề nghị nhóm đề tài sửa đổi một số



Th. S Trần Tuấn Nhạc báo cáo kết quả nghiên cứu của nhóm đề tài trước Hội đồng nghiệm thu

câu, chữ trong dự thảo để các tiêu chuẩn phù hợp hơn với tình hình thực tế xây dựng của Việt Nam. Ví dụ, trong môi trường xâm thực, không nhất thiết sử dụng đúng những loại xi măng được quy định cứng trong tiêu chuẩn (xi măng pooc lăng hỗn hợp PCB, xi măng pooc lăng ít tỏa nhiệt PC_{MH} , PC_{LH} , xi măng pooc lăng hỗn hợp ít tỏa nhiệt PCB_{MH} , PCB_{LH}) mà nên bổ sung “có thể sử dụng các loại xi măng khác để chế tạo bê tông và vữa, nếu chúng minh được loại bê tông đó có tính bền vững”.

Phát biểu kết luận, Chủ tịch Hội đồng – Th.S.Trần Đình Thái, Phó Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường Bộ Xây dựng đã đánh giá cao những cố gắng của nhóm đề tài trong việc nghiên cứu dự thảo tiêu chuẩn này. Nhìn chung, dự thảo tiêu chuẩn đã đáp ứng được yêu cầu, tuy còn một số chỗ cần điều chỉnh thêm. Thay mặt Hội đồng, Th.S Trần Đình Thái đã yêu cầu nhóm nghiên cứu tiếp thu ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng để sớm hoàn thiện dự thảo tiêu chuẩn.

Đề tài đã được Hội đồng nghiệm thu với kết quả xếp loại Xuất sắc.

Lệ Minh

Thông báo danh sách các phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng được công nhận trong tháng 5/2011

Trong tháng 5/2011 đã có 26 phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng được Bộ Xây dựng ra quyết định công nhận và cho phép đi vào hoạt động.

TT	Tên phòng thí nghiệm	Mã số	Quyết định có hiệu lực
1	Phòng TN VLXD và kiểm tra chất lượng công trình, thuộc Cty CP Tư vấn XD Sinh Hùng Km 1, Quốc lộ 10 - thôn 1, xã Phương Nam, TP. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	LAS-XD 621	QĐ số 188/QĐ-BXD ngày 04/5/2011 có hiệu lực đến: 04/5/2014
2	Phòng TN VLXD thuộc Cty TNHH một thành viên tư vấn và dịch vụ kỹ thuật VSH Số 21 Nguyễn Huệ - TP. Quy Nhơn - Bình Định	LAS-XD 1114	QĐ số 190/QĐ-BXD ngày 06/5/2011 có hiệu lực đến: 05/5/2014
3	Phòng TN vật liệu và kiểm định XD thuộc Cty CP Sơn Thành Lô A4.7 Khu sinh thái Hà Hải, đường Thanh Niên - phường Hải Tân - TP. Hải Dương - tỉnh Hải Dương	LAS-XD 1116	QĐ số 191/QĐ-BXD ngày 06/5/2011 có hiệu lực đến: 05/5/2014
4	Phòng TN vật liệu và kiểm định XD thuộc Cty CP tư vấn giám sát và kiểm định chất lượng công trình Số 45, ngõ 291 Lạc Long Quân - Q. Cầu Giấy - Hà Nội	LAS-XD 633	QĐ số 192/QĐ-BXD ngày 09/5/2011 có hiệu lực đến: 09/5/2014
5	Phòng TN chuyên ngành thuộc Trung tâm Quy hoạch và kiểm định chất lượng XD Bắc Kạn Tổ 2 - phường Đức Xuân - thị xã Bắc Kạn - tỉnh Bắc Kạn	LAS-XD 680	QĐ số 193/QĐ-BXD ngày 10/5/2011 có hiệu lực đến: 09/5/2014
6	Phòng TN và kiểm định chất lượng công trình thuộc Cty CP tư vấn và XD Đà Thành Phát Số 174, Ngô Quyền, Q.Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng	LAS-XD 1125	QĐ số 194/QĐ-BXD ngày 10/5/2011 có hiệu lực đến: 09/5/2014
7	Phòng TN cơ học đất, VLXD và kiểm định công trình thuộc Cty CP Đô Thị Việt Số 50 Đường CN1 - phường Sơn Kỳ - Q. Tân Phú - TP. Hồ Chí Minh	LAS-XD 598	QĐ số 196/QĐ-BXD ngày 11/5/2011 có hiệu lực đến: 11/5/2014
8	Phòng TN địa kỹ thuật thuộc Cty TNHH tư vấn thiết kế B.R Số 73, Đường số 10, Khu nhà ở Nam Long - P.Tân Thuận Đông - Q.7 - TP. Hồ Chí Minh	LAS-XD 664	QĐ số 197/QĐ-BXD ngày 11/5/2011 có hiệu lực đến: 11/5/2014

9	Trung tâm TN và kiểm định công trình CICO thuộc Cty CP tư vấn XD và đầu tư tổng hợp Số 4 Vũ Ngọc Phan - P.13 - Q. Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh	LAS-XD 497	QĐ số 198/QĐ-BXD ngày 11/5/2011 có hiệu lực đến: 11/5/2014
10	Trung tâm TN VLXD và kiểm định công trình thuộc Cty CP kiểm định XD Trọng Tín Số 71 Đường Trương Văn Thành - P. Hiệp Phú - Q.9 - TP. Hồ Chí Minh	LAS-XD 667	QĐ số 199/QĐ-BXD ngày 11/5/2011 có hiệu lực đến: 11/5/2014
11	Phòng TN đất và vật liệu XD, thuộc Cty CP Tư vấn XD Thủy lợi Hà Tĩnh Số 4 Nguyễn Huy Tự - P.Bắc Hà - TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	LAS-XD 134	QĐ số 200/QĐ-BXD ngày 11/5/2011 có hiệu lực đến: 12/5/2014
12	Phòng TN của Phòng TN XD, thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Quảng Trị Số 43 Lê Lợi - TP. Đông Hà - Quảng Trị	LAS-XD 81	QĐ số 201/QĐ-BXD ngày 11/5/2011 có hiệu lực đến: 12/5/2014
13	Phòng TN VLXD - Cty CP kỹ thuật XD Đông Tây Số 42 Đường 22 - P.Cát Lái - Q.2 - TP. HCM	LAS-XD 665	QĐ số 203/QĐ-BXD ngày 12/5/2011 có hiệu lực đến: 11/5 /2014
14	Phòng TN địa kỹ thuật và VLXD thuộc Cty CP tư vấn thiết kế và XD Quảng Đại Phát Số 27 Cẩm Bắc 4 - P. Hoà Thọ Đông - Q. Cẩm Lệ - TP. Đà Nẵng	LAS-XD 1104	QĐ số 204/QĐ-BXD ngày 12/5/2011 có hiệu lực đến: 11/5/2014
15	Phòng TN VLXD và kiểm định công trình thuộc Chi nhánh - T Cty XD công trình giao thông 4 - Trung tâm dự án Số 29 Quang Trung - TP. Vinh - tỉnh Nghệ An	LAS-XD 668	QĐ số 205/QĐ-BXD ngày 12/5/2011 có hiệu lực đến: 11/5/2014
16	Phòng TN vật liệu và kiểm định XD thuộc Cty TNHH XD và thương mại dịch vụ 262 Thôn Thượng - xã Thanh Liệt - huyện Thanh Trì - TP. Hà Nội	LAS-XD 1090	QĐ số 206/QĐ-BXD ngày 12/5/2011 có hiệu lực đến: 12/5/2014
17	Trung tâm TN và kiểm định XD thuộc Cty C P XD và thương mại Hợp Phát Số 90, Nguyễn Huy Tưởng - Q.Thanh Xuân - TP. Hà Nội	LAS-XD 670	QĐ số 207/QĐ-BXD ngày 12/5/2011 có hiệu lực đến: 12/5/2014
18	Phòng TN công nghiệp bê tông nhiệt đới thuộc Cty CP bê tông XD Hà Nội Xã Đông Ngạc - huyện Từ Liêm - Hà Nội	LAS-XD 06	QĐ số 210/QĐ-BXD ngày 13/5/2011 có hiệu lực đến: 13/5/2014
19	Bổ sung các phép thử cho Trung tâm Tư vấn và TN VLXD thuộc Cty CP XD Đường thủy 9 Số 51 Trần Quang Diệu - TP. Vinh	LAS-XD 867	QĐ số 211/QĐ-BXD ngày 11/5/2011 có hiệu lực đến: 11/12/2012

20	Phòng TN địa chất công trình và VLXD thuộc Cty CP Hoàng Phố Số 459 - 461, đường Trường Chinh - P.9 - TP. Tuy Hoà - tỉnh Phú Yên	LAS-XD 660	QĐ số 213/QĐ-BXD ngày 16/5/2011 có hiệu lực đến: 12/5/2014
21	Phòng TN địa chất công trình và VLXD thuộc Cty CP thiết kế - tư vấn XD Cần Thơ Số 61/30, Lý Tự Trọng - P. An Phú - Q. Ninh Kiều - TP. Cần Thơ	LAS-XD 48	QĐ số 214/QĐ-BXD ngày 16/5/2011 có hiệu lực đến: 12/5/2014
22	Phòng TN và khảo sát địa chất thuộc Cty TNHH MTV tư vấn và đầu tư XD Cửu Long Số 101/4, Nguyễn Văn Đậu - P.5 - Q. Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh	LAS-XD 1101	QĐ số 217/QĐ-BXD ngày 17/5/2011 có hiệu lực đến: 17/5/2014
23	Bổ sung các phép thử cho Phòng TN Kiểm định công trình thuộc Cty CP CN XD Đức Thịnh Phòng 205 Tập thể Địa chất - Ngõ 208/10 Nguyễn Văn Cừ - Q. Long Biên - Hà Nội	LAS-XD 700	QĐ số 221/QĐ-BXD ngày 19/5/2011 có hiệu lực đến: 26/9/2011
24	Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình XD thuộc Cty TNHH Tư vấn Kiểm định Chấn Hưng Số 139 đường Bùi Thị Trường - P.5 - TP. Cà Mau - tỉnh Cà Mau	LAS-XD 656	QĐ số 226/QĐ-BXD ngày 24/5/2011 có hiệu lực đến: 23/5/2014
25	Phòng TN VLXD - Cty CP Tân Phát Phú Thọ Tổ 6 Khu 1 - Vân Phú - TP. Việt Trì - Phú Thọ	LAS-XD 987	QĐ số 232/QĐ-BXD ngày 26/5/2011 có hiệu lực đến: 27/12/2012
26	Phòng TN chuyên ngành XD, thuộc Cty CP Kiểm định XD Sông Đà Thăng Long L9 - LK9 Khu đất đấu giá Kiến Hưng - Mậu Lương - Q. Hà Đông - TP. Hà Nội	LAS-XD 1061	QĐ số 233/QĐ-BXD ngày 26/5/2011 có hiệu lực đến: 27/5/2014

Huỳnh Phước

Lựa chọn vật liệu xây dựng theo đặc tính sinh thái

Vật liệu xây dựng có ảnh hưởng lớn đến chất lượng không gian sống. Khái niệm tính sinh thái của vật liệu xây dựng có thể hiểu rộng hơn đặc tính “sạch” về mặt sinh thái của chúng.

Nhóm các loại vật liệu xây dựng có tính sinh thái hoàn toàn bao gồm các vật liệu được tái chế có nguồn gốc thiên nhiên, không có những tác động tiêu cực đến con người, (và thậm chí còn có những ảnh hưởng tích cực tới sức khỏe con người), không làm ô nhiễm không gian tự nhiên và đòi hỏi năng lượng tiêu thụ ít nhất

trong quá trình sản xuất ra chúng, có khả năng tái tạo hoặc phân hủy hoàn toàn sau khi thực hiện chức năng tương tự những vật liệu của thiên nhiên. Chỉ có một số rất ít loại vật liệu tự nhiên đáp ứng được tất cả những yêu cầu trên: gỗ (và những vật liệu có nguồn gốc từ thực vật khác như tre, rơm rạ, lau sậy...), len lông, da, cát, san hô và đá, lựa nguyên chất và bông, dầu trùng hợp nguyên thể, cao su tự nhiên, keo dính thiên nhiên...

Nhóm các loại vật liệu xây dựng có tính sinh

thái nhưng có điều kiện gồm những hợp chất hữu ích có nhiều trong vỏ trái đất, hoặc các loại vật liệu có khả năng tái tạo. Nhóm này gồm có các sản phẩm từ đất sét, kính, nhôm. Các vật liệu còn lại không được coi là có tính sinh thái, dù chúng cũng được sử dụng khá nhiều trong xây dựng (thuộc nhóm này có các vật liệu nhân tạo từ nhựa; các sản phẩm đòi hỏi sự tiêu hao năng lượng đáng kể trong quá trình sản xuất ra chúng...).

Có một số loại vật liệu đáp ứng được các nguyên tắc về mặt sinh thái cũng mang tính sinh thái: trong quá trình sản xuất chúng người ta sử dụng các nguồn tài nguyên tái tạo, chúng bị phân hủy sau khi thực hiện chức năng mà không gây ô nhiễm môi trường. Các vật liệu này có thể được xem như những vật liệu có khả năng tái tạo, được sản xuất từ rất nhiều hợp chất hữu ích có trong vỏ trái đất (nhôm, silic). Việc hoàn thiện các vật liệu theo xu hướng sinh thái hóa rõ ràng sẽ được thực hiện để phù hợp với xu hướng hiện đại (áp dụng các vật liệu có khả năng tái tạo, giảm thiểu dung tích vật liệu, nâng cao tính bền vững của chúng...), đồng thời phù hợp xu hướng sử dụng nhiều hơn các vật liệu tái chế từ thiên nhiên, tạo nên những loại vật liệu mới có các đặc tính nêu trên.

Gỗ và các sản phẩm từ gỗ

Đây là loại vật liệu thông dụng có tính sinh thái cao hơn cả, cho phép thực hiện các cấu trúc nhẹ, bền vững, không cháy và không bị mục ruỗng (nhờ các phương pháp xử lý đặc biệt). Cây gỗ trong giai đoạn phát triển giống như một phin lọc tự nhiên giúp tránh ô nhiễm, phân tách ra không khí những chất có lợi cho sức khỏe con người, tăng cường ô xy cho bầu khí quyển, tăng mùn cho đất, tạo nhiều hang hốc cho các loài động vật khác nhau cư ngụ. Gỗ sử dụng để chế tạo vật liệu xây dựng hoàn toàn là gỗ tái sinh, và không gian tự nhiên không “nhận ra” sự thu hồi một phần nhỏ của rừng. Gỗ biến tính là một loại vật liệu tuyệt vời, có độ bền tương đối cao. Các bức tường làm bằng gỗ có thể “thở” và bảo đảm vùng vi khí

hậu thuận lợi bên trong nhà. Do vậy có thể coi gỗ là một trong những loại vật liệu tiềm năng nhất về mặt sinh thái.

Các loại vật liệu xây dựng sau đây cũng được coi là vật liệu sinh thái - các sản phẩm từ đất sét: các sản phẩm gốm (gạch, đá thân rỗng khối to để xây tường và mái, gạch ốp, ngói, gạch không nung từ hỗn hợp đất sét, rơm và gỗ...). Gạch làm từ hỗn hợp đất sét với cốt rơm nhiều thế kỷ trước đã được dùng xây nhà tầng - trong điều kiện khí hậu khô, hoặc được bảo đảm chắc chắn về chỉ số độ ẩm - được coi là vật liệu có nhiệt dung nhỏ hơn cả. 1/4 dân số trái đất hiện đang sống trong những ngôi nhà xây bằng loại gạch từ đất sét phơi khô dưới ánh nắng mặt trời, và các ngôi nhà này đã đứng vững hàng trăm năm tại những nước có khí hậu khô nóng.

Loại vật liệu trên đây có một đặc tính hiển nhiên: có khả năng tái sinh, qua đó có thể sử dụng như các loại “phụ gia” cho đất để trồng cây. Điều thú vị là những ngôi nhà 2-3 tầng bằng gạch đất sét khô đã tồn tại rất lâu tại nhiều nước có nền kinh tế phát triển cao (ví dụ như Pháp). Vấn đề chủ yếu nhằm duy trì tuổi thọ cho những ngôi nhà như vậy chính là việc chống ẩm nhờ mái nhà và lớp chống thấm đối với nước ngầm.

Trong số các hỗn hợp vật liệu không tái chế được có thể tách ra những yếu tố như nhôm và kính - 2 loại có khả năng tái tạo tới 90%, và việc tái sản xuất chúng đòi hỏi ít năng lượng hơn. Việc giảm sự thất thoát năng lượng trong quá trình sản xuất các vật liệu xây dựng có tính sinh thái là nhiệm vụ rất quan trọng vì việc này không chỉ giúp giảm bớt giá thành của vật liệu cũng như giảm mức thất thoát nguồn năng lượng, mà còn góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường. Sản xuất 1m³ nhôm (lần đầu) đòi hỏi sự tiêu tốn năng lượng rất lớn - 7250 KW/h so với sản xuất ra 1m³ xi măng - 1700 KW/h; gỗ phiến - 800 KW/h; gạch - 500 KW/h; bê tông khí chưng áp - 450 KW/h; gỗ - 180 KW/h.

Lượng năng lượng tiêu hao lớn như vậy

dường như khiến cho nhôm trở thành loại vật liệu phi sinh thái, tuy nhiên, khi tái sản xuất thì năng lượng tiêu hao chỉ có 600 KW/h, tức là nhôm lại được coi như một loại vật liệu xây dựng có tính sinh thái. Cần hạn chế dần việc sử dụng vật liệu từ nguồn nguyên liệu tái tạo (xi măng, thép, bê tông, bê tông cốt thép, nhựa...) là những loại vật liệu đòi hỏi sự tiêu thụ năng lượng đáng kể, và khả năng tái tạo rất ít. Các loại vật liệu này không có khả năng thiết lập vùng vi khí hậu thuận lợi trong các ngôi nhà, làm ô nhiễm môi trường xung quanh trong quá trình sản xuất. Mỗi lần chọn vật liệu xây dựng cần so sánh các phương án có tính đến tính sinh thái của các vật liệu đó. Khái niệm "tính sinh thái" của vật liệu xây dựng bao gồm cả sự thiếu khả năng phân tách những chất độc hại trong giai đoạn khai thác, ví dụ, một số loại đá tự nhiên (đá hoa cương, xienit, đá pocsia) có nền phóng xạ cao; nhựa hoặc là các sản phẩm như gỗ phiến, vải dầu, sơn tổng hợp, gạch tổng hợp để lát sàn và ốp tường, các phụ gia tổng hợp khác nhau trong bê tông, vữa, keo dính

tổng hợp, vật liệu giữ nhiệt tổng hợp..., là những vật liệu có thể thải ra các chất khí độc hại vào không khí trong nhà trong thời gian dài; các sản phẩm có amiăng, đặc biệt các sản phẩm chịu sự phong hóa với sự xâm nhập của xơ amiăng vào không khí đã không được phép sử dụng ở rất nhiều nước, vì rất có hại đối với người ở, đặc biệt là trẻ em.

Không thể chọn lựa các vật liệu có tính sinh thái hoàn toàn đối với tất cả các cấu trúc của một ngôi nhà cũng như đối với việc hoàn thiện nó, trừ phi ngôi nhà đó không lớn. Bởi vậy, khi lựa chọn các vật liệu và lập các phương án, các loại vật liệu có tính sinh thái bao giờ cũng được ưu tiên hơn cả. (chẳng hạn, gạch sét nung và các sản phẩm từ gốm, các vật liệu từ thạch cao, vải dầu, các vật liệu giữ nhiệt từ giấy hoặc bê tông bọt, cửa sổ và cửa ra vào bằng gỗ, các loại sơn hữu cơ ...).

Nguồn: Tổng hợp từ internet (www.yandex.ru)

ND: Lê Minh

Tái tạo sinh thái trong xây dựng không gian lịch sử

Bắt đầu từ những năm đầu thế kỷ XX, dân số đô thị cũng như các khu vực nội thành không ngừng phát triển và mở rộng. Bước sang thế kỷ XXI, quá trình này đã lan rộng đến hầu hết các quốc gia trên thế giới. Trong các đặc điểm của quá trình đô thị hóa ở Nga, có thể kể ra tình trạng tự phát, lộn xộn, thiếu quản lý - những nguy cơ lớn không chỉ đối với cư dân đô thị mà còn với chính đô thị nữa. Hậu quả của quá trình đô thị hoá vô lối là hàng loạt vấn đề mới nảy sinh: thiếu tiện nghi về mặt tâm lý của người dân, các xung đột xã hội, ô nhiễm không gian đô thị, sử dụng đất bừa bãi... Thiên nhiên của đô thị dần mệt mỏi khi phải đương đầu với những vấn đề trên và bắt đầu lui bước trước các tác động công nghiệp. Tác động này ảnh hưởng trước tiên tới tính hấp dẫn của các đô thị trung tâm trong vùng, nếu đánh giá từ góc độ hạ tầng

cơ sở, các chính sách đầu tư cũng như bộ mặt đô thị. Các đô thị này sở hữu những ngôi nhà cổ xưa, với các loại vật liệu xây dựng và kết cấu thường là không có khả năng tiếp nhận các tác động của không gian công nghiệp xung quanh. Các kiến trúc sư cũng như những người làm công tác bảo tồn hiện nay cần đặc biệt thận trọng khi làm việc với các ngôi nhà thuộc về không gian lịch sử, và cần nhận thức rằng, giờ đây những ngôi nhà này không còn tính đặc trưng đối với không gian xung quanh, và bản thân những ngôi nhà này ngay từ đầu cũng không được thiết kế dành cho không gian xung quanh nó.

Trong các yếu tố cơ bản tác động tới công trình xây dựng mang tính lịch sử trong các đô thị hiện đại, có :

- ô nhiễm không khí tại các trung tâm đô thị;

- các tác động nhiệt (kết quả tác động của hệ thống điều hoà trong các công trình; việc cách nhiệt chưa đủ hiệu quả);

- tính cân bằng về nhiệt độ - độ ẩm của ngôi nhà bị phá vỡ, nguyên nhân của sự phá vỡ này có thể xuất phát từ việc thay thế các cửa sổ gỗ bằng cửa kính;

- ô nhiễm nước ngầm;

- sử dụng năng lượng kém hiệu quả;

- việc xây dựng bị chèn, ép; do đó ánh sáng không đủ và việc thông gió cũng chưa đạt;

- độ ồn cao, chấn động do giao thông đô thị trên mặt đất và dưới mặt đất tạo ra;

- thiếu không gian riêng cho người dân, thiếu tiện nghi về mặt tâm lý;

- hệ thống thông tin liên lạc cũ;

- một số công trình được cải tạo để sử dụng vào các chức năng mới không đặc trưng (như nó vốn có), điều này dẫn tới việc quy hoạch lại, làm biến đổi hình ảnh ban đầu của công trình;

- tổn thất của hạ tầng phát triển – các cơ sở thuộc lĩnh vực dịch vụ có tính xã hội như các bệnh viện, cửa hàng, nhà trẻ, trường học;

- mạng lưới đường giao thông chưa phát triển đầy đủ, đường phố hẹp, thiếu chỗ đỗ xe.

Điều đáng tiếc là hiện nay, việc xây dựng không gian lịch sử dường như «bị gãy», cơ chế quá cứng nhắc và lỗi thời. Việc phục chế hoặc cải tạo từng yếu tố riêng biệt (các ngôi nhà) không phải là cách giải quyết vấn đề. Cần khắc phục hoặc giảm thiểu đến mức có thể những tác động của các yếu tố tiêu cực cơ bản, thiết lập sự cân bằng sinh thái.

Áp dụng kiến trúc «xanh» chính là công cụ để giải quyết vấn đề sinh thái đô thị. Việc cải tạo công trình lịch sử, tính nhân văn của công trình trong tổng thể không gian đô thị đạt được dựa trên việc thực hiện các thiết kế tương tự.

Tuy nhiên, như ở trên đã nói, làm việc với các công trình (ngôi nhà) thuộc không gian lịch sử trong bất kỳ trường hợp nào cũng cần hiệu chỉnh có chừng mực, có những hạn chế nhất định như sau:

- thực hiện bắt buộc một loạt các công tác

nghiên cứu và thiết kế (công tác mang tính chất khảo cổ - lịch sử, tiến hành đo đạc, phân tích các vật liệu xây dựng trong phòng thí nghiệm, nghiên cứu cảnh quan...);

- bảo vệ tối đa các chi tiết và yếu tố ban đầu của công trình, các yếu tố kiến trúc ban đầu cũng như cấu trúc xây dựng của nó, các thành quả của công tác tu bổ về sau này như giá trị văn hoá và nghệ thuật của công trình;

- tính nguyên vẹn của hình ảnh thẩm mỹ và bố cục kiến trúc của công trình;

- tỷ lệ tương ứng giữa các yếu tố xây dựng của công trình và khối lượng được xây thêm vào với cấu trúc đô thị xung quanh;

- nhấn mạnh tầm quan trọng của di sản lịch sử, khám phá trực quan những thành tựu sáng tạo của các nghệ nhân xưa.

Đặc điểm chính của việc cải tạo về mặt sinh thái các công trình lịch sử của đô thị là nhất thiết phải có sự phù hợp của các điều luật và các nguyên tắc cải tạo.

Đối với các công trình không chỉ nằm trong không gian lịch sử mà còn là những di tích có giá trị về mặt kiến trúc, lịch sử và văn hoá thì còn nhiều hạn chế hơn nữa: cần bảo vệ tối đa hình ảnh ban đầu của công trình, bên cạnh đó phải tuân theo nguyên tắc tiết kiệm năng lượng; cần giữ nhiệt cho các bức tường mà không phá hỏng các yếu tố trang trí mặt tiền; xây mái nhà «xanh», trong khi tất cả các ngôi nhà cổ đều có mái nghiêng; tận dụng toàn bộ năng lực của các ô lấy ánh sáng, trong khi cần tránh việc làm biến dạng và xuống cấp mặt ngoài của công trình...

Lời giải cho các bài toán này nằm trong việc áp dụng các vật liệu xây dựng hiện đại, trong phương pháp xây dựng đô thị tổng hợp - phát triển kiến trúc «xanh» trong không gian lịch sử. Trong việc phát triển kiến trúc «xanh», việc phục chế các công trình kết hợp với việc tận dụng cơ sở tiết kiệm năng lượng - vốn rất tiêu biểu cho kiến trúc «xanh», đã cho kết quả: công trình cũ không chỉ được hồi sinh, mà còn được bảo đảm khả năng hoà nhập vào sự phát triển chung của đô thị, cũng như khả năng thiết

lập sự cân bằng trong cuộc sống tại tất cả các khu vực của đô thị.

Việc thiết kế các tổ hợp «xanh» trong không gian lịch sử có thể thực hiện bằng cách mô hình hóa chức năng của không gian đô thị, tương tự như việc hình thành một hệ thống mà các yếu tố của hệ thống đó chính là các công trình của đô thị. Giữa các yếu tố này cần chú trọng tới những điểm yếu về mặt hình thành phong cách trong xây dựng đô thị, cũng như các mối liên quan về chức năng ở các cấp độ khác nhau giữa các công trình đó; hệ thống kỹ thuật; tuyến giao thông; các tác động hai chiều về mặt kinh tế, tâm lý và xã hội.

Mô hình cho phép phân tích sự tồn tại, tình trạng của tất cả các mối liên quan về chức năng và các hạng mục có trong công trình mang tính lịch sử, kiểm soát mức độ tiết kiệm năng lượng của công trình, thiết kế các trang thiết bị và hệ thống kỹ thuật cho toàn bộ tổ hợp.

Các hệ thống kết nối kỹ thuật (ống lấy ánh sáng, động cơ chạy bằng sức gió... đều là những nguồn năng lượng phi truyền thống) giúp nâng cao khả năng tiết kiệm năng lượng của công trình. Còn các hệ thống thông gió, cung cấp nhiệt - nước - điện - khí truyền thống cải tiến được thiết kế cho cả một vùng hay một tổ hợp thì sẽ hợp lý hơn là thiết kế chỉ cho một ngôi nhà. Hơn nữa, việc cải tạo các công trình thuộc không gian lịch sử có những hạn chế nhất định – không được làm thay đổi bề ngoài của các công trình này, trong khi bất cứ sự cải tạo

nào cũng đều có tính hai mặt.

Để thực hiện việc quy hoạch toàn bộ khu vực công trình xây dựng có tính lịch sử, người ta có thể hạn chế tất cả các việc áp dụng kỹ thuật mới trong từng khu vực riêng biệt, hoặc phong cách hóa chúng – hay nói cách khác là «ngụy trang»; hoặc ngược lại, áp dụng biện pháp tương phản và phân đề, nhấn mạnh tính hiện đại và kiểu cách thiết kế công nghiệp của chúng. Cách giải quyết phụ thuộc vào tính chất của không gian lịch sử; cấp độ, các chức năng nổi bật của không gian đó (một hoặc một vài chức năng: không gian làm việc, không gian sống, không gian sản xuất, không gian nghỉ dưỡng...); ý kiến người dân.

Trong bất kỳ trường hợp nào, công việc với toàn bộ khu vực cũng tạo nên sự thoải mái không bị gò bó và - điều này rất quan trọng - tạo khả năng giám sát mối tương quan chức năng giữa không gian lịch sử với những khu vực còn lại của đô thị.

Đô thị trước hết không phải là một tập hợp của các khu dân cư tự phát, mà là một cơ thể hoàn chỉnh, có thể bảo đảm tính độc lập về chức năng cũng như cấu tạo của từng bộ phận riêng biệt của nó, và duy trì tính liên tục về mặt không gian./.

I.V.Dunichkin

Nguồn: Tạp chí Xây dựng công nghiệp và dân dụng Nga –tháng3/2011

ND: Lê Minh

Sàn công nghiệp magezit TM ALPHAPOL

Trong những năm gần đây, sinh thái tại tất cả các đô thị biến đổi theo chiều hướng xấu đi, nhất là ở những thành phố lớn như Moskva hay Sant Peterburg. Ngoài những nguyên nhân chung như khí thải, ùn tắc giao thông và khói bụi từ các khu công nghiệp, có một vấn đề mới – bức xạ điện từ trường. Đây là những ảnh hưởng bất lợi phát sinh từ các cột anten TV, các thiết bị tải điện, các đồ điện gia dụng cũng như

đồ điện tử mới. Mặc dù khi nghiên cứu tầm ảnh hưởng không tốt của các yếu tố này, các nhà khoa học chưa đưa ra kết quả cuối cùng, song họ đã chứng minh được năng lượng tương tự trong một số trường hợp tiềm ẩn mối nguy hại còn hơn cả năng lượng nguyên tử.

Để giảm hoạt động của các vùng bức xạ điện từ trường, cần giảm cường độ của chúng xuống mức bình thường. Trong các vật liệu để

chấn, phủ hiện có thì hỗn hợp than chì – magezit dùng trong xây dựng có tiềm năng rất lớn. Sử dụng loại hỗn hợp này trong quá trình hoàn thiện các nhà ở, các khu văn phòng và mặt tiền của các toà nhà sẽ giảm đáng kể cường độ của các vùng bức xạ. Loại vật liệu xây dựng có chức năng chấn, phủ được sử dụng khá thường xuyên trong việc hoàn thiện hoặc gia cố sàn nhà của các văn phòng ở Moskva. Các sàn có than chì trong thành phần cấu tạo có tác dụng khử tĩnh điện, duy trì sự bảo vệ cần thiết đối với các nguồn bức xạ. Ngoài ra, hỗn hợp trên còn được biết tới như một lớp phủ chống cháy có độ bền cao. Tất cả những điều trên được bảo đảm bởi các đặc tính tự nhiên của hỗn hợp, đó là :

- ngăn cản quá trình mục ruỗng, han rỉ của các vật liệu xây dựng (nếu hỗn hợp này có trong thành phần các loại vật liệu đó);
- ngăn cản nấm mốc trên bề mặt sử dụng;
- chữa các bệnh về da, bệnh khớp, các bệnh thần kinh;
- tính khử trùng tốt (có thể khử trùng nước).

Do vậy, các thành phần và hỗn hợp để trát, phủ có than chì đã tạo khả năng bảo đảm vùng bức xạ điện từ trường tự nhiên của trái đất bên trong các toà nhà sẽ không thay đổi nhiều, và hỗ trợ con người tránh các tác động bức xạ này của thiên nhiên. Các đặc điểm tuyệt vời của hỗn hợp than chì –magezit không chỉ được đúc kết trong các đặc tính hoá - lý của chất độn từ than chì (cấu trúc, thành phần hoá học, độ bền cơ

học và tính dẫn nhiệt), mà còn được khẳng định thêm bởi các ưu điểm của loại hỗn hợp magezit cơ bản với than chì, bởi sự tương quan của các thông số thành phần với nền lý tính của chúng. Hỗn hợp này được sử dụng trong quá trình hoàn thiện bên trong các ngôi nhà ở, và được sử dụng trong việc lát sàn công nghiệp.

Công ty ALPHAPOL (Nga) đã nghiên cứu sản xuất lớp phủ than chì - magezit từ năm 1997. Sàn công nghiệp magezit TM ALPHAPOL đã có mặt ở Moskva và được sử dụng trong các nhà máy, các công trình quốc gia, các khu dân sinh ở phía bắc với quy mô công nghiệp.

Đáp án cho bài toán làm thế nào giảm cường độ bức xạ điện từ trường đã được tìm ra, nếu sử dụng đúng các thành phần than chì –magezit làm vật liệu chấn, phủ trong việc chỉnh trang các căn nhà. Hiện nay, để có hỗn hợp than chì cách ly cao tần dùng trong xây dựng (ALPHAPOL ST-1) không còn là vấn đề lớn nữa. Các thành phần và hỗn hợp than chì –magezit không bắt lửa và rất vững bền với băng tuyết. Bởi vậy, loại vật liệu này được sử dụng không chỉ trong các nhà ở và văn phòng, mà còn ở các trung tâm thể thao; nhà nghỉ dưỡng; các ngôi nhà có cấu trúc chịu lực; các phòng điều phối tại các sân bay và tại các nhà máy thủy điện./.

Nguồn: Tổng hợp từ internet (www.yandex.ru)

ND: Lê Minh

Kỹ thuật khoan hiện đại và những yêu cầu đối với chúng

Đối với các thiết bị khoan, những chỉ tiêu quan trọng nhất đó là năng suất của máy, độ chính xác khi thực hiện các chức năng và cuối cùng là trình độ lắp đặt các mũi khoan đáp ứng được công nghệ hiện đại, cho phép các nhà thầu nâng cao năng suất và an toàn lao động cho những người vận hành, giảm các chi phí

vận hành và số lần dừng máy.

Theo Công ty Boart Longyear, thì năng suất lao động và sự an toàn vẫn là những chỉ tiêu mang tính quyết định của các thiết bị khoan. Nếu thiết bị khoan được thiết kế chế tạo đạt các tiêu chuẩn và những yêu cầu kỹ thuật cao nhất, thì các thiết bị đó cần đáp ứng được những yêu

cầu riêng của công việc trên công trường xây dựng, còn những người trực tiếp sử dụng thiết bị đó cần được thoải mái bởi sự cơ động và độ khoan chính xác của nó.

Công ty Boart Longyear cho ra đời thiết bị khoan hiện đại nhất model DB95GT đáp ứng được những yêu cầu nâng cao khác. Thiết bị này chuyên sử dụng cho khu vực nước ngầm nóng, nhờ nó có thể sử dụng được các phương pháp khoan khác nhau và hoạt động trong những điều kiện phức tạp nhất của công trường, trong đó một yếu tố không kém quan trọng đó đạt tốc độ khoan cao.

Ưu điểm của model này đó là tính vận năng của máy. Bởi vì các chủ đầu tư thường tìm kiếm các thiết bị khoan trên thị trường sao cho có thể khoan được ở bất kỳ điều kiện nào kể cả điều kiện đất bão hoà dư nước. Với tính đa năng cao, các máy khoan này cần phải linh động và gọn nhẹ ở mức tối đa mà không làm giảm công suất của chúng.

Model DB95GT có lực tay cần nghịch lên tới 9,8 tấn, momen xoay lên tới 24 kN, khiến cho máy trở thành lý tưởng hoạt động ở các điều kiện đất khác nhau. Ngoài ra, hệ thống thuỷ lực hiệu suất cao tạo ra được công suất bổ sung lớn cho đầu mũi khoan quay. Kích thước gọn của máy đảm bảo cho nó có tính cơ động khi sử dụng ở các khu vực chật hẹp của công trường.

Thiết bị khoan D1550 của Cty Sandvik dùng để khoan các giếng khoan thu dẫn (DTH), bởi vậy nó đã được thiết kế chế tạo có tính đến đảm bảo sự cân bằng giữa công suất và các kích thước của mũi khoan để đảm bảo có năng suất cao khi mức tiêu hao nhiên liệu thấp nhất và giảm các chi phí vận hành tới mức thấp nhất.

Model D1550 được trang bị động cơ diesel công suất 324 KW và đảm bảo đạt được lượng khí nén 24,4 m³/phút dưới áp suất 24 atm. Điều đó được kết hợp tốt với đầu khoan đường kính 127 mm.

Cabin điều khiển của thiết bị này được bảo vệ chống các vật rơi và có kính thông gió. Tất cả các điểm cung cấp dịch vụ kỹ thuật được bố

trí ở gần mặt đất để đảm bảo cho quá trình khoan và tăng độ an toàn, còn bình chứa nhiên liệu lớn và hệ thống nhiên liệu được cung cấp nhanh cho phép giảm sự dừng máy.

Công ty Atlas Copco kết hợp những phẩm chất tốt nhất của model mới ROCL8 DTH với hệ thống tự động hoá và điều khiển hiện đại nhất vào xeri máy khoan SmartRig khi thiết kế chế tạo thiết bị khoan mới công suất cao SmartRig ROCD65s.

Loại máy khoan mới này được trang bị hệ thống điều khiển RCS dùng để khoan các giếng khoan đường kính 110 - 203 mm. Sử dụng các đầu khoan kiểu Secoroc COP 44, 54 hay 64 DTH ở độ sâu khoan tới 54 m, không khí nén dưới áp suất 30 atm được cấp từ máy nén khí lắp trên thiết bị. Máy nén khí được dẫn động từ động cơ diesel Caterpillar C15 công suất 402 KW.

Hệ thống RCS điều khiển toàn bộ thiết bị khoan, kể cả quá trình khoan và các tay cần tự động với các ống khoan. Hệ thống này cũng cho phép thay đổi các dữ liệu thiết kế và hoạt động giữa thiết bị và văn phòng trên công trường.

Đặc điểm chính của SmartRig ROCD65 đó là nó có thể bổ sung thêm hoặc rút bỏ bớt các ống khoan một cách tự động, khiến cho người vận hành có đủ thời gian để chuẩn bị các vật liệu, trong khi đó thiết bị lại tự hoàn thành việc khoan giếng.

Ngoài ra, một nguyên lý tương tự cũng có ở thiết bị DB95GT của Công ty Boart Longyear.

Sau 12 tháng thử nghiệm, Công ty FRD đã chào hàng thiết bị khoan DCR 20 DTH, cho phép khoan các giếng khoan đường kính 89 - 165 mm, sâu tới 40 m. Khối lượng của máy lên tới 21 tấn, dẫn động thực hiện từ động cơ diesel Caterpillar công suất 328 KW. Trên máy sử dụng máy nén khí mác Airman công suất 24 m³/phút để cấp khí nén dưới áp suất 25 atm.

Kích thước gọn và tính đa năng đặc trưng cho thiết bị khoan thuỷ lực bốn bánh ROC T20 của Công ty Atlas Copco, để khoan các giếng đường kính 38 - 64 mm. Thiết bị này dùng để

khoan trong các điều kiện đô thị, có động cơ diesel Cummins công suất 82 KW, khoan được thực hiện nhờ máy nén khí công suất 50 lít/gy.

Model ROC T20 được trang bị hệ thống điều khiển hiện đại quá trình khoan, cho phép kiểm soát quá trình này bằng áp lực quay. Trong hệ thống cũng có chức năng phòng ngừa tắc nghẽn, bảo đảm cho việc theo dõi liên tục mũi khoan để tránh kẹt cột ống.

Sự đa năng, mức độ khoan xâm nhập vào các giếng trực tiếp nhanh hơn và chi phí năng lượng ít hơn đó không chỉ là những yêu cầu duy nhất đối với thiết bị khoan này. Tất cả các chỉ tiêu trên đều phụ thuộc vào các mũi khoan, và nhằm mục đích đó Công ty Sandvik đã chế tạo một loạt các mũi khoan RT300 - Uniface. Tuy nhiên, Công ty cũng giảm số lượng chúng trong xeri mới, nhưng lại mở rộng các lĩnh vực sử dụng chúng. Điều đó đã đạt được nhờ sử dụng nguyên liệu mới Cacbid XT48 tôi cứng và bền hơn để làm mũi khoan.

Xeri mới bao gồm 3 dạng mũi khoan để khoan các giếng đường kính 51 - 64, 70 - 96 và 102 - 152 mm. Trong kết cấu của chúng hội tụ 3 đặc điểm khác nhau mà trước đây có ở trong 2 hay nhiều model. Điều này giúp cho việc lựa chọn mũi khoan RT300 - Uniface một cách đơn giản. Các mũi khoan có đầu đặc biệt dùng để khoan các loại đá phiến rất chắc, các đầu kiểu tròn - để khoan các loại đá phiến kém chắc hơn. Còn các mũi khoan có gờ bình thường phù hợp để khoan các loại đá đồng nhất. Mũi khoan hợp đầu để đảm bảo độ bằng cho giếng khoan trong

các điều kiện đất đá hỗn tạp và nhiều vết nứt.

Công ty Boart Longyear cũng sản xuất một xeri mới các mũi khoan Surface SetXP, nhằm đảm bảo độ xâm nhập lớn nhất vào trong đất đá. Độ bền vững của các mũi khoan mới cao hơn gấp 3 lần so với các mũi khoan thường dùng lâu nay. Trong đó không cần phải dùng các mũi khoan thay thế khi khoan trong các loại đất không liên kết (tơi rời).

Trong các mũi khoan mới sử dụng loại đầu thò ra, được gia cường bằng một số lớp kim cương để tăng thêm độ bền. Đầu Ultramix cấu tạo từ một số hạt kim cương nhân tạo lớn hơn so với các mũi có bề mặt theo truyền thống, ở đó chỉ dùng một lớp kim cương. Các nhà thầu có thể dùng các mũi khoan này để đạt được các chỉ số khoan sâu ổn định hơn và chi phí ít hơn cho 1 m giếng khoan.

Tương lai của ngành thiết kế chế tạo sẽ quyết định những đặc tính của các thiết bị khoan. Sự phát triển của ngành điện tử trong tương lai cũng sẽ làm thay đổi bộ mặt của thiết bị khoan. Bởi vì công nghiệp điện tử đảm bảo sự điều khiển tốt hơn các thông số khoan, cũng như sự điều khiển và theo dõi toàn bộ hoạt động của thiết bị. Việc ứng dụng điện tử có tính chiến lược cũng có thể nâng cao sự an toàn cho người vận hành và hiệu quả của công việc, khiến cho người vận hành không phải tiếp xúc trực tiếp với khu vực khoan.

Nguồn: Báo Xây dựng Nga N9/2011

ND: Đinh Bá Lô

Các tiêu chuẩn xây dựng “xanh” hiện đại

Hiện nay, trong ngành Xây dựng của LB Nga đang bàn luận sôi nổi về những vấn đề liên quan đến xây dựng “xanh”. Đây là một vấn đề mới đang còn bị “ngại ngại” trên thực tế xây dựng. Một công trình xây dựng an toàn về sinh thái và tiết kiệm nguồn lực đang trở nên hấp dẫn, nhưng cần có những chỉ tiêu chính xác, các tiêu chuẩn định mức hiện đại và luận chứng

kinh tế kỹ thuật thuyết phục.

Cơ sở tiêu chuẩn - phương pháp luận xây dựng “xanh” được phê chuẩn và áp dụng thống nhất hiện còn chưa có trên thế giới. Mỗi nước đưa ra những yêu cầu riêng của mình đối với xây dựng “xanh”. Trên cơ sở những yêu cầu đó (các tiêu chuẩn, qui phạm, định mức) xây dựng nên các hệ thống đánh giá và đưa vào áp

dụng phù hợp với các yêu cầu của sản phẩm xây dựng, tức là các hệ thống chứng chỉ(certificate system).

Những hệ thống tương tự đầu tiên có ở Anh trên 20 năm trước đây. Sau đó các nước xây dựng những tiêu chuẩn riêng của mình như Hà Lan, Đức, Mỹ, Úc và nhiều nước khác. Tính đa dạng của các hệ thống này nói lên sự cần thiết phải tính đến những đặc điểm dân tộc(Quốc gia), những điều kiện khí hậu, những ưu tiên của các quốc gia trong lĩnh vực xây dựng.

Ngành xây dựng Nga hiện nay còn chưa xây dựng một hệ thống tiêu chuẩn “xanh” của riêng mình. Mặc dù khoa học xây dựng trên cơ sở hàng loạt các luật hiện có của Liên bang Nga, các GOST, SNIP, các tiêu chuẩn tổ chức thi công, các nghiên cứu triển khai của ngành không phải khi nào cũng lỗi thời, mà dựa vào đó đã có thể xây dựng được một bộ khung của hệ thống tiêu chuẩn xanh. Nhưng cũng như với các phương pháp đánh giá và xây dựng định mức rủi ro trong xây dựng - đó là những cơ sở của những qui tắc, mà hiện nay ở LB Nga chưa được đặt ra cho khoa học xây dựng. Rõ ràng là đang có sự sao chép các tiêu chuẩn và hệ thống chứng chỉ khác.

Các tiêu chuẩn và thông số xây dựng “xanh” đặc biệt quan trọng đối với các công trình xây dựng nhà ở, tạo ra môi trường sống cho con người và có nhu cầu sử dụng một khối lượng rất lớn các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Chính vì vậy, trước hết ở đây các tiêu chuẩn cần phải đưa ra được các chỉ tiêu hiện đại về tiện nghi ở, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, cải thiện môi trường xung quanh.

Trong những năm gần đây, nhờ sự phối hợp các bộ, ngành trong lĩnh vực xây dựng nhà ở thấp tầng đã soạn thảo ra được một bộ tài liệu tiêu chuẩn định mức (tiêu chuẩn ngành) qui định các tiêu chuẩn về tiện nghi, hiệu quả năng lượng, an toàn sinh thái cho nhà ở thấp tầng.

Ngay từ năm 1994, ở Nga đã đưa vào áp dụng tiêu chuẩn “Nhà ở thấp tầng. Những yêu

cầu chung về đảm bảo an toàn sinh thái” và “Nhà ở thấp tầng. Những yêu cầu chung về đảm bảo hiệu quả năng lượng”.

Tiêu chuẩn đầu qui định những yêu cầu đảm bảo an toàn sinh thái trên tất cả các bước thực hiện nhà ở: khi thiết kế, khi chế tạo các cấu kiện và chi tiết của nhà, khi xây dựng nhà và khi khai thác sử dụng. Qui định các yếu tố có tính quyết định đối với tiện nghi của các phòng ở (vi khí hậu, như nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ chuyển động của không khí; môi trường không khí, tức là thành phần hoá và độ bụi của không khí, thành phần ion của nó, sự trao đổi không khí và .v.v.; cuối cùng là môi trường ánh sáng, tức là độ chiếu sáng, độ chói, ánh sáng mặt trời; các chế độ tiếng ồn và rung và các yếu tố khác).

Tiêu chuẩn thứ hai qui định việc đánh giá và kiểm tra hiệu quả năng lượng của nhà cũng ở trên tất cả các bước thực hiện nhà ở, ngoài ra còn gồm 2 phương pháp: Thiết kế nhiệt kỹ thuật cho các nhà ở thấp tầng và kiểm tra các thông số năng lượng khai thác sử dụng nhà. Tiêu chuẩn này đưa vào 4 cấp bảo vệ nhiệt cho ngôi nhà phụ thuộc vào sự giảm và tăng suất chi phí năng lượng của nhà.

Năm 1998, đã đưa vào áp dụng tiêu chuẩn “Nhà ở thấp tầng. Đánh giá chất lượng”. Tiêu chuẩn này qui định các thông số chất lượng và an toàn cho nhà ở thấp tầng có tính đến sự tổng thể của nhà, khu vực phụ trợ và diện tích cây xanh. Đã qui định những chỉ tiêu về tiện nghi của nhà ở và các cấp tiện nghi của khu đất, của hạ tầng xã hội, tiện lợi giao thông, trình độ dân trí, các chỉ tiêu về an toàn, bao gồm vệ sinh dịch tễ, sinh thái nhìn, địa chấn, cũng như các chỉ tiêu về giải pháp kiến trúc của nhà ở thấp tầng. Tiêu chuẩn này gồm hệ thống định mức thông qua các chỉ tiêu và các phương pháp đánh giá chúng.

Trên cơ sở nội dung của tiêu chuẩn này, đã xác định được 12 kiểu cơ bản của nhà ở thấp tầng- từ nhà xây gạch- đá tới nhà ghép bằng ván. Theo các thông số tiện nghi, gồm hiệu quả

năng lượng và sinh thái, những ngôi nhà có tính sinh thái vượt trội là nhà làm bằng thân gỗ. Các giá trị phân loại theo lượng được sử dụng để đánh giá các chỉ số sử dụng của nhà ở thấp tầng tương ứng với giá và chất lượng của chúng. Nhà làm bằng thân gỗ ghép có các chỉ số cao nhất, nhà có các chỉ số sinh thái thấp là nhà panen, nhà khung và nhà ván gỗ ghép.

Thực tế xây dựng nhà ở thấp tầng hiện đại có đặc điểm là sử dụng hàng loạt và không theo tiêu chuẩn các vật liệu tổng hợp và vật liệu polime. Mỗi loại vật liệu này theo nồng độ giới hạn cho phép đều thải ra các chất bay hơi, có thể tương ứng với qui định của tiêu chuẩn, nhưng về tổng thể nhiều vật liệu này có trong căn phòng có thể gây ảnh hưởng xấu tới môi trường sinh thái trong phòng. Điều đó đòi hỏi phải nghiên cứu kỹ về tiêu chuẩn định mức giới hạn cho phép của chúng trong mỗi căn phòng.

Từ năm 2005, trên cơ sở các nội dung đã được phê duyệt của một loạt tiêu chuẩn ngành, có xem xét các tiêu chuẩn của châu Âu và thế giới, đã nghiên cứu soạn thảo các tiêu chuẩn nhà ở thấp tầng và đưa vào áp dụng. Các tiêu chuẩn này xác định những yêu cầu đối với tất

cả các dạng an toàn và các thông số tiện nghi của nhà ở thấp tầng, đưa ra những giải pháp bảo đảm an toàn và tiện nghi và mô hình cấp chứng chỉ các trạng thái thương mại của nhà ở thấp tầng - về đồ án thiết kế của nhà, về sự đồng bộ của cấu kiện và chi tiết của ngôi nhà được xây dựng. Các tiêu chuẩn cũng qui định cấu tạo và nội dung cơ bản hộ chiếu của nhà thấp tầng.

Có thể nói rằng xây dựng nhà ở thấp tầng ở LB Nga đang tạo dựng được nền tảng khá đầy đủ về phương pháp luận, đáp ứng được những chỉ tiêu cơ bản cho xây dựng “xanh”. Nhưng vẫn còn thiếu một hệ thống quốc gia về tiêu chuẩn định mức có tính pháp lý để bảo đảm cho xây dựng “xanh”. Đó là các qui định kỹ thuật, các GOST, SNIP, các qui phạm... Một đề xuất cho việc xây dựng hệ thống này trên cơ sở những tài liệu tiêu chuẩn định mức đã được thông qua hiện còn chưa gây được sự chú ý của các cơ quan và tổ chức tiêu chuẩn hoá ở LB Nga.

Nguồn: Báo Xây dựng Nga N15/2011

ND: Đình Bá Lô

Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải đến thăm và làm việc tại nhà máy xử lý và tái chế rác thải Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

Ngày 4/6/2011, Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải đã đến thăm và làm việc tại nhà máy xử lý và tái chế rác thải Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Cùng đi với Phó Thủ tướng có Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân, Thứ trưởng Bộ Khoa học & Công nghệ Nguyễn Văn Lạng, Phó Tổng giám đốc Ngân hàng phát triển Việt Nam Đào Dung Anh, Phó chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên Võ Hồng Bắc, đại diện UBND tỉnh Thái Nguyên, thị xã Sông Công, các sở ngành của tỉnh Thái Nguyên và một số doanh nghiệp liên quan.

Nhà máy xử lý và tái chế rác thải Sông Công là nhà máy xử lý rác thải đầu tiên trong cả nước sử dụng công nghệ cơ sinh học (MBT - CD.08), công suất xử lý 50 tấn/ngày, do Công ty TNHH Thủy lực - Máy nghiên cứu và chế tạo với sự hỗ trợ của Chương trình hợp tác phát triển Việt Nam - Đan Mạch trong lĩnh vực môi trường (DCE) và Hợp phần Phát triển bền vững môi trường trong các khu đô thị nghèo (SDU). Ưu điểm của công nghệ này là xử lý triệt để rác thải, tự động phân loại và thu hồi các phế thải nhằm tái chế thành sản phẩm khác, tái chế rác thải thành nhiên liệu cho các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề, diện tích chiếm đất nhỏ, công tác quản lý, vận hành và bảo trì đơn giản, hoạt động của nhà máy không gây ô nhiễm môi trường nước, không khí, ô nhiễm đất như các biện pháp xử lý khác.

Phát biểu tại buổi làm việc với lãnh đạo các Bộ, ngành và tỉnh Thái Nguyên tại thị xã Sông Công sau khi thị sát nhà máy xử lý và tái chế rác thải Sông Công, Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải đã chỉ đạo cần sớm hoàn thiện công nghệ nhà máy xử lý, tái chế rác thải do doanh nghiệp trong nước sản xuất.



Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải phát biểu chỉ đạo tại buổi làm việc tại Thị xã Sông Công

Cụ thể, Bộ Xây dựng cần giao cho các Tập đoàn lớn của ngành Xây dựng hoàn thiện, phát triển công nghệ nhà máy xử lý rác thải theo hướng đảm bảo các điều kiện về môi trường, tạo ra các dây chuyền thiết bị chính chu, có tính thương mại cao. Bộ Xây dựng cùng với các tỉnh trong cả nước cần sớm hoàn thành quy hoạch xử lý rác thải, trong xây dựng quy hoạch cần quan tâm quy hoạch đến cả cấp huyện và xã. Các Bộ, ngành khi xây dựng dự án về xử lý rác thải phải xây dựng dự án đi kèm, khuyến khích xã hội hóa, kêu gọi các doanh nghiệp tư nhân xây dựng các nhà máy, cơ sở xử lý rác thải...

Phó Thủ tướng bày tỏ sự vui mừng trước những kết quả khả quan của việc phát triển công nghệ xử lý rác thải do chính các doanh nghiệp trong nước sản xuất, chế tạo như ở Nhà máy xử lý và tái chế rác thải Sông Công, đồng thời lưu ý các Bộ, ngành chức năng cần tiếp tục đánh giá để hoàn thiện công nghệ.

Từ thành công mô hình Nhà máy xử lý và tái chế rác thải Sông Công sử dụng hoàn toàn công nghệ trong nước, các Bộ, ngành chức năng cũng xem xét, hạn chế nhập khẩu công nghệ xử lý, tái chế rác thải của nước ngoài...



Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải và lãnh đạo các Bộ, ngành thị sát nhà máy

Theo báo cáo của Bộ Xây dựng, hiện nay, lượng rác thải sinh hoạt phát sinh tại các đô thị trong cả nước lên tới hơn 24.000 tấn/ngày, tỷ lệ thu gom, xử lý trung bình đạt khoảng 83%, tỷ lệ thu hồi các thành phần có khả năng tái chế và sử dụng chỉ đạt khoảng 20-25%.

Việc xử lý chất thải rắn ở các địa phương chủ yếu đều sử dụng biện pháp chôn lấp; mỗi đô thị từ loại IV trở lên đều có ít nhất một bãi chôn lấp nhưng có tới hơn 80% bãi chôn lấp không hợp vệ sinh, có nguy cơ gây ô nhiễm cao. Bên cạnh đó, công nghệ chôn lấp đòi hỏi phải tốn nhiều diện tích đất, không có khả năng thu hồi, tái chế sử dụng lại nguồn nguyên liệu từ rác thải và còn phải tốn rất nhiều chi phí cho việc xử lý nước rỉ ra từ rác...

Để khắc phục những bất cập đó, bước đầu, cả nước đã xây dựng được 20 cơ sở xử lý rác với tổng công suất xử lý khoảng 17.000 tấn/ngày. Ngoài ra còn có 15 cơ sở khác ở các đô thị lớn như: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng... đang triển khai xây dựng. Các cơ sở xử lý rác thải này chủ yếu sử dụng công nghệ chế biến rác thành phân compost và một số sản phẩm phụ (ống nhựa, túi đựng) song công nghệ này hiện đang gặp phải vấn đề lớn đó là các sản phẩm phân vi sinh tiêu thụ rất khó khăn, tỷ lệ rác sau xử lý cần phải chôn lấp vẫn còn cao. Do vậy, mô hình công nghệ chế biến rác thành viên nhiên liệu như ở Nhà máy xử lý và tái chế rác thải Sông Công được đánh giá là công nghệ có tính khả thi cao, cần triển khai nhân rộng.

Minh Tuấn

Hội thảo góp ý về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2008/NĐ-CP về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch

Ngày 3/6/2011 tại Tp. Hải Phòng, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội thảo lấy ý kiến góp ý cho Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2008/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch. Tham dự Hội nghị có đại diện của Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, ông

Antti M. Nykanen - Trưởng đoàn tư vấn Chương trình nước và vệ sinh các thị trấn ở Việt Nam, đại diện các Sở Xây dựng, Công ty Cấp nước các tỉnh, thành phố. TS. Nguyễn Hồng Tiến - Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng chủ trì Hội thảo.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, TS. Nguyễn Hồng Tiến đã nêu khái quát ý nghĩa quan trọng



Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Tiến phát biểu khai mạc Hội thảo



ông Antti M. Nykanen - Trưởng đoàn tư vấn Chương trình nước và vệ sinh các thị trấn ở Việt Nam phát biểu tại Hội thảo

của Nghị định 117/2008/NĐ-CP - văn bản pháp lý cao nhất và đầu tiên về sản xuất và kinh doanh nước sạch, với mục đích thúc đẩy ngành cấp nước phát triển bền vững, phát huy tối đa các nguồn lực, phục vụ tốt nhất nhu cầu sử dụng nước của người dân. Sau 4 năm ra đời, Nghị định 117/2008/NĐ-CP đã đạt được nhiều thành quả, tiền đề cho hàng loạt các văn bản quan trọng đã được ban hành trong thời gian qua, như các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp, Chương trình chống thất thoát nước sạch; Thông tư liên tịch số 95/2009/TTLT của Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn; Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn quốc gia về chất lượng nước ăn; Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn quốc gia về chất lượng nước mặt, nước ngầm; Bộ Kế hoạch và Đầu tư huy động các nguồn vốn cho lĩnh vực cấp nước; các tỉnh, thành phố tiến hành sắp xếp bộ máy quản lý trong lĩnh vực cấp nước, phê duyệt quy hoạch cấp nước theo thẩm quyền, ban hành giá nước sạch - bước đầu đã tính đúng, tính đủ chi phí sản xuất nước sạch; các doanh nghiệp cấp nước đã chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên, một số chuyển sang hoạt động theo mô hình cổ phần; hoạt động sản xuất và kinh doanh nước sạch đã đi vào ổn định và phát triển.



Toàn cảnh Hội thảo

TS. Nguyễn Hồng Tiến cho biết, bên cạnh những mặt tích cực và những thành tựu đạt được của Nghị định số 117/2008/NĐ-CP, qua quá trình áp dụng, đã phát hiện một số bất cập cần sửa đổi, bổ sung. Theo Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Xây dựng giao Cục Hạ tầng kỹ thuật Bộ Xây dựng chủ trì dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 117/2008/NĐ-CP cho phù hợp với một số văn bản mới có hiệu lực như Luật Quy hoạch đô thị, khắc phục những bất cập trong thực tiễn áp dụng...

Tại Hội thảo, đại diện Cục Hạ tầng kỹ thuật đã giới thiệu những nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định số 117/2008/NĐ-CP và xin ý kiến đóng góp của các đại biểu tham dự. Hội thảo đã nghe hơn 20 ý kiến phát biểu của đại diện các cơ quan quản lý nhà nước, Hội chuyên ngành và các doanh nghiệp cấp nước, tập trung thảo luận

về quy định thu tiền nước theo khối lượng nước sử dụng tối thiểu 4m³/hộ gia đình/tháng; chính sách hỗ trợ người nghèo và các hộ neo đơn, gia đình chính sách; chi phí đấu nối; quy định khung giá nước; cơ chế ưu đãi về tiền sử dụng đất đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực cấp nước

Phát biểu kết luận Hội thảo, thay mặt đơn vị chủ trì soạn thảo Dự thảo Nghị định, TS. Nguyễn Hồng Tiến đã cảm ơn những ý kiến

đóng góp tâm huyết của các đại biểu tham dự, Cục Hạ tầng kỹ thuật sẽ nghiêm túc tiếp thu để nghiên cứu, xem xét và tiếp tục xin ý kiến góp ý bằng văn bản của các tổ chức, cơ quan có liên quan để hoàn thiện Dự thảo Nghị định trước khi trình Chính phủ ban hành.

Minh Tuấn

Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình đến năm 2025

Ngày 27/5/2011, tại Hà Nội, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn đã chủ trì cuộc họp để nghe báo cáo về Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình đến năm 2025. Tham dự cuộc họp có lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng và UBND tỉnh Hoà Bình

Theo báo cáo của Viện Kiến trúc, quy hoạch đô thị - nông thôn Bộ Xây dựng - đơn vị tư vấn lập Đồ án, sau nhiều năm thực hiện “Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Hoà Bình đến năm 2020” do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2001, bộ mặt thành phố Hoà Bình đã có sự thay đổi rất căn bản. Nhiều khu đô thị mới, khu văn hoá - xã hội và khu công nghiệp đã và đang được xây dựng khang trang hiện đại, đặc biệt hệ thống hạ tầng kỹ thuật như đường giao thông, các cầu bắc qua sông Đà, hệ thống các công trình kỹ thuật đầu mối như cấp thoát nước, cấp điện, rác thải... đã được xây dựng, đáp ứng ngày một tốt hơn sự phát triển kinh tế, xã hội của thành phố, nâng cao chất lượng sống của nhân dân.

Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển ngày càng nhanh và xu thế hội nhập của đất nước, yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đối với thành phố Hoà Bình nói riêng và cả nước nói chung, nhiều vấn đề cơ bản của quy hoạch chung đã được phê duyệt không còn phù hợp và đáp ứng được yêu cầu phát triển trong mối quan hệ vùng



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn phát biểu kết luận tại cuộc họp

và mối quan hệ chung với cả nước.

Ngoài ra, trải qua 10 năm, bối cảnh trong tỉnh và vùng cũng như trên phạm vi cả nước có nhiều yếu tố tác động mạnh đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội nói chung và phát triển đô thị Hoà Bình nói riêng như: Việt Nam ra nhập WTO, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 37/NQ-TW về phát triển kinh tế, xã hội đảm bảo an ninh quốc phòng Trung du miền núi Bắc Bộ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng thủ đô Hà Nội và Hà Nội được mở rộng theo quyết định của Quốc hội. Nhiều công trình trọng điểm có ý nghĩa thúc đẩy Hoà Bình phát triển đã, đang và sẽ được thực hiện như: đường Cao tốc Láng - Hoà Lạc kéo dài tới Hoà Bình, đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng kéo dài đi qua Hoà Bình, đường Hồ Chí Minh, nâng

cấp quốc lộ 6 đoạn Xuân Mai - Hoà Bình là đường cấp I đồng bằng,.... Tất cả những yếu tố đó đều có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của tỉnh Hoà Bình nói chung và thành phố Hoà Bình nói riêng.

Trong môi trường phát triển mới, để tương xứng với vị thế và tầm quan trọng của thành phố Hoà Bình, với vai trò là đô thị hạt nhân - động lực thúc đẩy sự phát triển năng động của cả vùng Tây Bắc, việc lập đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Hoà Bình đến năm 2025 là cần thiết.

Việc điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hoà Bình nhằm mục tiêu cụ thể hóa Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Hoà Bình và thành phố Hoà Bình; cụ thể hóa Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn tỉnh Hoà Bình đến năm 2020; cụ thể hóa Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội Vùng Tây Bắc và quy hoạch xây dựng

Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050; làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý xây dựng và triển khai tiếp công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng đô thị theo quy hoạch.

Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của thành phố Hoà Bình với diện tích tự nhiên là 14.784,01 ha, trong đó khu vực nội thị gồm 8 phường và khu vực ngoại thị gồm 7 xã.

Sau khi nghe tư vấn báo cáo các nội dung của Đồ án, ý kiến góp ý của các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn đã phát biểu kết luận và giao Vụ Kiến trúc Quy hoạch xây dựng soạn thảo văn bản nêu ý kiến của Bộ Xây dựng để UBND tỉnh Hoà Bình nghiên cứu, chỉ đạo hoàn thiện Đồ án trước khi phê duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật.

Huỳnh Phước

Quản lý tập trung rủi ro trong hợp đồng dự án BT

Trong những năm qua, nền kinh tế Trung Quốc có tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ, cùng với đó, đầu tư của Chính phủ Trung Quốc trong lĩnh vực xây dựng cũng không ngừng gia tăng, đặc biệt là đầu tư cho các dự án khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường, xây dựng hạ tầng ...

Các dự án đầu tư trong lĩnh vực xây dựng thường có đặc điểm quy mô lớn, vốn đầu tư lớn, thời gian xây dựng và thời gian thu hồi vốn kéo dài ... gây nhiều sức ép về tài chính cho Chính phủ và chính quyền các địa phương. Phương thức đầu tư theo hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) ra đời là công cụ giúp giảm bớt sức ép về tài chính cho chính quyền, di chuyển hữu hiệu rủi ro cho chính quyền. Tuy nhiên dự án BT xuất hiện trong môi trường thị trường cạnh tranh gay gắt nên nó cũng đứng trước nhiều vấn đề và rủi ro không xác định trong quản lý và vận hành dự án, đặc biệt là quản lý rủi ro hợp đồng dự án

I. Đặc điểm quản lý của hợp đồng dự án BT

1. Thời gian quản lý hợp đồng dài

Công tác quản lý hợp đồng dự án BT bắt đầu ngay từ giai đoạn xác định dự án, cụ thể bao gồm: quy hoạch tiền kỳ của hợp đồng, đàm phán hợp đồng, ký kết hợp đồng, thực hiện hợp đồng, thay đổi hợp đồng, đòi bồi thường hợp đồng. Từ đó, có thể thấy, quản lý hợp đồng là quá trình liên tục trong suốt quá trình thực hiện dự án. Chính điều này đòi hỏi người quản lý hợp đồng phải căn cứ vào hợp đồng và tình hình thực tế để điều chỉnh nội dung quản lý hợp đồng, phương pháp và trọng điểm hạn chế rủi ro hợp đồng một cách tương ứng, quản lý động thái với hợp đồng, đảm bảo hợp đồng được thực hiện thuận lợi.

2. Các chủ thể hợp đồng đa dạng

Các hợp đồng liên quan tới dự án BT bao gồm hợp đồng mua nguyên vật liệu, hợp đồng

thầu gọn, hợp đồng giám sát quản lý, hợp đồng vay vốn... Các bên liên quan trong những hợp đồng này phức tạp hơn so với các dự án thông thường rất nhiều, bao gồm cả chính quyền, các ban ngành, nhà đầu tư, đơn vị cung ứng, nhà thầu phụ, ngân hàng... Những chủ thể kinh tế này đều đấu tranh vì lợi ích của mình trong dự án BT.

3. Hợp đồng BT có nhiều nhân tố ảnh hưởng, rủi ro lớn

Do tính phức tạp của dự án BT nên mối quan hệ hợp đồng và quy định về trách nhiệm quyền hạn trong hợp đồng BT cũng phức tạp. Bên cạnh đó, các hợp đồng trong dự án BT lại đan xen nhau như mạng lưới, diện ảnh hưởng rộng, khiến cho rất khó dự đoán và khống chế các nhân tố rủi ro bên trong và bên ngoài hợp đồng, càng nhiều hợp đồng khác nhau càng khiến cho công tác quản lý hợp đồng thêm rủi ro.

4. Phải thực hiện quản lý tập trung

Khi nghiên cứu quản lý hợp đồng dự án BT, mọi doanh nghiệp đều không thể chỉ quan tâm tới lợi ích riêng của doanh nghiệp mình, mà phải đặt công tác quản lý hợp đồng của doanh nghiệp vào trong chuỗi cung ứng của toàn bộ dự án BT, quan tâm tổng hợp tới mục tiêu, tổ chức, phương pháp quản lý rủi ro hợp đồng, hệ thống thông tin, quá trình quản lý... của các doanh nghiệp khác, tìm ra mối quan hệ chiến lược giữa chúng để tiến hành quản lý.

II. Nhân tố rủi ro trong quản lý hợp đồng dự án BT

Căn cứ vào xuất xứ của rủi ro, người ta chia rủi ro trong quản lý hợp đồng dự án BT ra thành hai loại lớn, bao gồm: rủi ro về quản lý nội bộ doanh nghiệp - chủ yếu là rủi ro quyết sách, rủi ro quá trình và rủi ro kỹ thuật; rủi ro bên ngoài doanh nghiệp - chủ yếu bao gồm rủi ro pháp luật, rủi ro chính trị, rủi ro đạo đức, rủi ro thông tin sai lệch, rủi ro mua vật liệu...

1. Rủi ro quyết sách

Rủi ro quyết sách có nghĩa là rủi ro trong quá trình quyết sách hợp đồng dự án. Loại rủi ro này

thường nảy sinh khi doanh nghiệp thương lượng với các bên hoặc đấu thầu, do không nắm chính xác nhu cầu và năng lực của các bên hữu quan, hoặc do chịu ảnh hưởng hoặc sự lừa dối của doanh nghiệp khác, dẫn tới quyết sách sai lầm. Loại rủi ro này là một trong những nhân tố gây nên rủi ro về kinh tế lớn nhất.

2. Rủi ro quá trình

Rủi ro quá trình có nghĩa là rủi ro nảy sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, có thể do công nghệ thi công, thiết bị thi công của bản thân doanh nghiệp không kiện toàn, hoặc do doanh nghiệp cung ứng không cung cấp kịp thời nguyên vật liệu hoặc kỹ thuật ..., dẫn đến các vấn đề nghiêm trọng về chất lượng, tiến độ, vốn đối với các hạng mục xây dựng, từ đó tạo ra rủi ro về quản lý hợp đồng.

3. Rủi ro kỹ thuật

Rủi ro kỹ thuật có nghĩa là do các nguyên nhân kỹ thuật nên nảy sinh ra sự cố thi công trong thời gian xây dựng. Vì dự án BT áp dụng tương đối nhiều công nghệ mới, kỹ thuật mới và vật liệu mới, trong khi doanh nghiệp lại thiếu kỹ năng sự kỹ thuật, công nghệ mới, khiến cho khả năng xảy ra sự cố hoặc tranh chấp càng lớn. Đây là một thách thức lớn đối với công tác quản lý hợp đồng.

4. Rủi ro đạo đức

Để đảm bảo bí mật và lợi ích thương mại của mình, các doanh nghiệp thành viên trong chuỗi cung ứng thường hay che giấu thông tin, thậm chí cung cấp thông tin sai lệch để đánh lạc hướng các doanh nghiệp cạnh tranh. Khi doanh nghiệp thiếu cơ chế ràng buộc, giám sát chất lượng sản phẩm và hoạt động của các nhà cung ứng, nên đơn vị cung ứng thường cung cấp sản phẩm kém chất lượng gây ra rủi ro do đạo đức của nhà cung ứng.

5. Rủi ro do thông tin sai lệch, rủi ro trong khâu mua vật liệu

Do quy mô chuỗi cung ứng của dự án BT ngày càng mở rộng, cơ cấu ngày càng phức

tạp, khiến cho việc truyền tải thông tin thiếu chính xác. Tính thiếu chính xác của thông tin này không ngừng tăng lên khi thông tin được truyền tải qua từng khâu trong chuỗi cung ứng làm nảy sinh những rủi ro do thông tin, gây ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện mục tiêu chiến lược về quản lý rủi ro hợp đồng.

III. Quản lý tập trung rủi ro hợp đồng dự án BT

Xuất phát từ góc độ hệ thống, quản lý tập trung chính là thông qua tư duy sáng tạo khoa học và khéo léo, tổ chức các chủ thể hợp đồng và mục tiêu hữu quan vận động hài hòa cân đối với nhau, từ đó cải thiện mức độ phối hợp và trao đổi thông tin trong tổ chức, khiến cho hệ thống phát triển một cách cân đối và có trật tự, nhằm tăng cường hiệu ứng tập trung của doanh nghiệp. Từ góc độ quan sát tập trung 5 mặt như mục tiêu, quá trình, tổ chức, phương pháp quản lý rủi ro và hệ thống thông tin..., bài viết này bàn về việc thúc đẩy các bên tham gia dự án BT hợp tác và giao lưu với nhau, quản lý toàn diện rủi ro hợp đồng đối với toàn bộ chuỗi cung ứng của dự án BT.

1. Tập trung hóa mục tiêu

Tập trung hóa mục tiêu quản lý rủi ro hợp đồng dự án BT vừa có nghĩa là tập trung hóa mục tiêu nội bộ doanh nghiệp, vừa là tập trung hóa mục tiêu của chuỗi cung ứng. Nói chung, mục tiêu quản lý rủi ro hợp đồng nội bộ doanh nghiệp cần phải xoay quanh 3 mặt: chất lượng, giá thành và tiến độ, nhưng quản lý rủi ro hợp đồng truyền thống thường chỉ là quản lý mục tiêu đơn lẻ; hơn nữa, còn hy sinh các mục tiêu khác để hòng đạt được hiệu quả ở một mặt nào đó. Phương thức quản lý này trực tiếp ảnh hưởng tới hiệu quả tổng hợp của hạng mục. Vì vậy, khi quản lý rủi ro hợp đồng hiện đại, trước hết phải tìm hiểu mối liên hệ tương hỗ và mối quan hệ đối lập giữa ba mặt chất lượng, giá thành và tiến độ, sau đó tìm ra điểm cân bằng giữa chúng, áp dụng biện pháp nhất định để thực hiện mục tiêu chung của chúng, hoàn

thành quản lý tập trung ba mục tiêu lớn.

Tập trung hóa mục tiêu của chuỗi cung ứng BT có nghĩa là các doanh nghiệp thành viên dự án BT có thể lấy sự phát triển ổn định, lành mạnh và liên tục của chuỗi cung ứng làm mục tiêu chung, thông qua giao lưu và hợp tác, thực hiện doanh lợi chung của mọi doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng. Mục tiêu quản lý rủi ro truyền thống của các doanh nghiệp tương đối độc lập với nhau, mỗi một doanh nghiệp đều phải gánh vác rủi ro. Trong quá trình theo đuổi lợi ích, họ có thể tùy tiện di chuyển rủi ro sang doanh nghiệp khác nhằm giành lại lợi ích lớn nhất. Nhưng do quy mô hạng mục công trình không ngừng mở rộng, sự giao lưu giữa các doanh nghiệp đầu chuỗi và các doanh nghiệp cuối chuỗi cung ứng ngày càng thường xuyên, thời gian hợp tác ngày càng dài, mối quan hệ lợi ích giữa họ từng bước chuyển từ tương đối độc lập sang “cùng hội cùng thuyền”. Đứng trước hiện tượng này, thập kỷ 80 thế kỷ XX, giới quản lý học nước Mỹ đưa ra tư tưởng và quan niệm quản lý thực hiện “đối tác hợp tác” ở lĩnh vực hạng mục công trình, tức là thay đổi mối quan hệ đối lập trước đây của các bên tham gia dự án BT, thông qua cơ chế ràng buộc và khuyến khích, kiến cho các bên tham gia dự án tôn trọng lẫn nhau, tín nhiệm lẫn nhau, từng bước chia sẻ thông tin và tài nguyên, cùng nhau gánh chịu rủi ro. Sau khi các doanh nghiệp trong toàn bộ chuỗi cung ứng có mục tiêu phát triển chung, họ sẽ tự giác thương lượng giải quyết các vấn đề tồn tại trong dự án, từ đó nâng cao năng lực phòng ngừa rủi ro của cả dự án và giảm thiểu rủi ro quản lý hợp đồng.

2. Tập trung hóa tổ chức

Quản lý rủi ro hợp đồng là công tác trọng tâm của quản lý hạng mục công trình, hết sức quan trọng đối với công tác quản lý hạng mục của chủ đầu tư (cơ quan chính quyền) và doanh nghiệp chủ chốt. Vì phân công nhiệm vụ, diện công tác và quy trình công tác của dự án BT rất

phức tạp, nên doanh nghiệp phải tổ chức một ban chuyên quản lý hợp đồng với đầy đủ các nhân viên chuyên ngành nhằm quản lý điều tiết rủi ro hợp đồng. Ý tưởng chủ yếu về tập trung hóa tổ chức quản lý rủi ro là đào tạo ban quản lý rủi ro hợp đồng thành một đội ngũ quản lý tuân thủ nguyên tắc phân tầng quản lý, quyết sách thống nhất và cùng hợp tác, có tri thức pháp luật và tri thức nghiệp vụ phong phú, quảng giao. Một đội ngũ như vậy không những có phê phán công và tối ưu hóa công tác quản lý rủi ro hợp đồng nội bộ doanh nghiệp, đảm bảo cho mục tiêu và nhiệm vụ công tác của các bộ phận thống nhất với nhau, mà còn có thể bảo đảm cho doanh nghiệp đó trao đổi thông tin với các doanh nghiệp khác. Khi xảy ra tranh chấp hợp đồng, họ có thể nhanh chóng liên hệ với ban quản lý hoặc nhân viên quản lý hợp đồng đối tác, giải quyết tranh chấp, giảm thiểu tối đa rủi ro hợp đồng.

3. Tập trung hóa phương pháp và quá trình

Bắt đầu từ khi chính quyền hoặc cơ quan chính quyền ký hợp đồng BT với nhà đầu tư cho tới khi cả dự án hoàn thành, mọi giai đoạn và mọi khâu trong đó đều tồn tại nhiều rủi ro. Sau khi nhận diện rủi ro và đánh giá rủi ro, ngành quản lý rủi ro hợp đồng áp dụng một số đối sách nhằm chế ngự rủi ro. Tập trung hóa phương pháp và quá trình quản lý rủi ro có nghĩa là biện pháp ứng phó được áp dụng không nên là biện pháp quản lý đơn nhất, mà cần phải là sự tổng hợp hóa các phương pháp và biện pháp quản lý rủi ro khác nhau của các giai đoạn khác nhau. Tập trung các quá trình độc lập như nhận biết rủi ro, đánh giá rủi ro, quản lý rủi ro, giám sát rủi ro... trong tiến trình quản lý rủi ro hợp đồng, đảm bảo thực hiện mục tiêu quản lý dự án và rủi ro thông qua sự hợp tác của chuyên gia và máy tính.

4. Tập trung hóa hệ thống thông tin

Trong thời gian thực hiện dự án BT, tất nhiên phải có sự trao đổi thông tin thường xuyên giữa các bộ phận trong doanh nghiệp, giữa các

doanh nghiệp thành viên với nhau. Nếu các bên tham gia chỉ quan tâm tới vấn đề của riêng mình, chỉ tìm hiểu công việc trong phạm vi hợp đồng của mình, không chủ động đi sâu tìm hiểu công tác chông chéo giữa các doanh nghiệp, sẽ khiến cho thông tin bị tắc nghẽn, không thông suốt. Vì vậy, phải tìm ra một phương pháp có thể tăng cường mối liên hệ tương hỗ giữa các doanh nghiệp. Tư tưởng tập trung hóa hệ thống thông tin quản lý rủi ro hợp đồng muốn thông qua hạ tầng thông tin tập trung và hữu hiệu nhằm tăng cường sự trao đổi thông tin và hợp tác giữa các bên tham gia dự án, bảo đảm cho doanh nghiệp có thể kịp thời bám sát tình hình thực hiện dự án và động thái mới nhất của quản lý hợp đồng, đồng thời lại có thể thông qua hạ tầng thông tin này để giám sát hành vi quản lý của các doanh nghiệp khác, từ đó nâng cao tính khoa học trong công tác quản lý và quyết sách của tầng quản lý.

Qua nhiều năm thực tiễn nghiên cứu và phát triển, công tác tập trung hệ thống thông tin quản lý rủi ro hợp đồng của Trung Quốc đã giành được thành tựu lớn. Ví dụ, dự án xây dựng công trình Triển lãm Quốc tế Thượng Hải đã áp dụng hệ thống C3A, hệ thống này cung cấp trên mạng máy tính những thông tin trao đổi giữa các bên tham gia, bao gồm thông tin quản lý hợp đồng, di chuyển hợp đồng, chế độ điều lệ, quản lý tiền vốn..., kịp thời phản ánh tình hình thực hiện của các hợp đồng khác nhau, có lợi cho doanh nghiệp quản lý sát sao hợp đồng và có được nhiều số liệu thông tin đáng tin cậy.

Quản lý rủi ro là một nội dung công tác quan trọng trong quản lý hợp đồng dự án BT. Nó không phải là thiết kế điều khoản và cứu vãn sau khi nảy sinh ra sự cố, mà là quản lý tập trung và động thái đối với rủi ro hợp đồng trong suốt thời gian thực hiện dự án BT. Bài viết này bắt đầu từ phân tích đặc điểm của hợp đồng dự án BT, phân tích cụ thể rủi ro hợp đồng nảy sinh trong doanh nghiệp và chuỗi cung ứng BT, nêu ra

doanh nghiệp cần phải quản lý dự án theo tư tưởng quản lý tập trung hóa rủi ro hợp đồng. Tuy bài viết trình bày các mặt như tập trung hóa mục tiêu, tập trung hóa quá trình, tập trung hóa phương pháp, tập trung hóa hệ thống thông tin, tập trung hóa tổ chức..., nhưng lại chưa đưa ra

được mô hình cụ thể và phương án thực hiện cụ thể, còn cần phải nghiên cứu thêm.

Tạ Hiếu Hồng - Lý Dũng - Trương Tĩnh Hiếu

Nguồn: Tạp chí "Xây dựng" TQ số 2/2011

ND: Hoàng Thế Vinh

Quy trình bình xét giải thưởng công trình chất lượng cao - Cúp "Lỗ Ban" của Trung Quốc

Cúp "Lỗ Ban" là giải thưởng cao nhất về chất lượng công trình của ngành Xây dựng Trung Quốc, có ảnh hưởng lớn cả trong và ngoài nước. Đối với các doanh nghiệp xây dựng, giải thưởng này hết sức có ý nghĩa, nhiều doanh nghiệp coi việc giành được cúp Lỗ Ban là mục tiêu quan trọng. Vì vậy, đảm bảo quá trình bình xét cúp Lỗ Ban đảm bảo công khai, công bằng và minh bạch luôn được Hội đồng bình xét quan tâm. Thời gian gần đây, Hiệp hội Xây dựng Trung Quốc đã không ngừng tổng kết kinh nghiệm, nhiều lần sửa đổi quy trình thực hiện bình xét cúp Lỗ Ban, mang lại những nội dung mới cho cúp Lỗ Ban. Biện pháp bình xét cúp "Lỗ Ban" hiện hành là bản sửa đổi và ban hành năm 2008 của Hiệp hội Xây dựng Trung Quốc, quy định rõ ràng về nguyên tắc, mục đích, tính chất, trình tự bình xét và kỷ luật bình xét cúp Lỗ Ban.

I. Trình tự bình xét khoa học, quy phạm và nghiêm ngặt

Hiệp hội Xây dựng Trung Quốc tiến hành bình xét theo nguyên tắc tự nguyện, công khai và công bằng. Quy trình bình xét cúp Lỗ Ban phải trải qua 5 bước lớn: đề nghị, sơ thẩm, phúc thẩm, bình chọn và công bố.

Bước thứ nhất - đề nghị: Doanh nghiệp xây dựng tự nguyện đề nghị, Hiệp hội Xây dựng các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Hiệp hội Xây dựng các ngành hữu quan, hoặc đơn vị hữu quan chọn ra các doanh nghiệp đủ tiêu chuẩn, giới thiệu đề cử lên Hiệp hội Xây dựng Trung Quốc.

Bước thứ hai – sơ thẩm: Ban an toàn chất lượng của Hiệp hội Xây dựng Trung Quốc tiến hành sơ thẩm theo biện pháp bình xét đối với hồ sơ, tài liệu của các đơn vị đề nghị, đưa các công trình phù hợp yêu cầu vào phúc thẩm. Đối với những công trình không phù hợp với điều kiện, giải thích rõ lý do hữu quan với đơn vị giới thiệu để cử công trình đó, đơn vị giới thiệu đề cử sẽ thông báo cụ thể cho đơn vị đề nghị.

Bước thứ ba – phúc thẩm: Tiến hành phúc thẩm hiện trường đối với các công trình đã qua bước sơ thẩm. Căn cứ vào ngành nghề và khu vực mà công trình phân bố, Hiệp hội Xây dựng Trung Quốc tổ chức một số tổ phúc thẩm để tiến hành phúc thẩm các công trình được lựa chọn.

Bước thứ tư - bình chọn: Ban bình chọn của Hiệp hội Xây dựng Trung Quốc gồm 21 chuyên gia nổi tiếng trong ngành, thông qua các phương thức như nghiên cứu ảnh chụp công trình, nghe báo cáo, đọc các tài liệu hữu quan, chất vấn..., cuối cùng bình chọn ra công trình đoạt cúp Lỗ Ban năm đó bằng cách bỏ phiếu ghi tên. Về nguyên tắc, mỗi năm không quá 100 công trình đoạt cúp Lỗ Ban. Theo quy định hiện hành, từ năm 2010, sửa đổi thành nửa năm biểu dương một lần.

Bước thứ năm – công bố: Công bố kết quả bình chọn 7 ngày liền trên báo chí và trên trang web của Hiệp hội Xây dựng Trung Quốc, trung cầu ý kiến xã hội. Nghiêm túc kiểm tra lại các công trình có đơn tố cáo vi phạm quy định. Sau khi kiểm tra lại, các công trình không phù hợp

với điều kiện bình chọn cúp Lỗ Ban đều bị xóa bỏ tư cách đoạt giải.

II. Khâu then chốt: dựa vào chế độ điều lệ để quy phạm hành vi bình xét

Trong quá trình bình xét cúp Lỗ Ban có hai khâu dễ nảy sinh vấn đề, đó là khâu phúc thẩm và bình chọn. Hiệp hội Xây dựng Trung Quốc đã soạn thảo nhiều chế độ điều lệ đối với hai khâu này.

1. Tăng cường giáo dục học tập, quy phạm hành vi bình xét

Mọi nhân viên tham gia công tác phúc thẩm và bình chọn công trình cúp Lỗ Ban đều phải nghiêm túc quán triệt thực hiện pháp luật, pháp quy hữu quan của Nhà nước về quản lý chất lượng công trình và tiêu chuẩn, quy phạm, quy trình hữu quan của Nhà nước, của ngành, nghiêm túc chấp hành “Biện pháp bình xét cúp Lỗ Ban” và các quy định hữu quan, tuân thủ pháp luật, tự giác ngăn ngừa nảy sinh tác phong xấu, kiên trì nguyên tắc công bằng và công khai, nâng cao ý thức trách nhiệm, làm tốt công tác phúc thẩm và bình chọn cúp Lỗ Ban. Trước mỗi đợt phúc thẩm và bình chọn cúp Lỗ Ban, lãnh đạo của Hiệp hội Xây dựng Trung Quốc đều nhấn mạnh kỷ luật công tác phúc thẩm và bình chọn cúp Lỗ Ban, khiến cho nhân viên tham gia phúc thẩm, bình chọn nghiêm túc học tập và lĩnh hội quy định, yêu cầu liêm chính của công tác.

2. Thực hiện chế độ “thay đổi”, bảo đảm tính công bằng của cúp Lỗ Ban

Không bố trí chuyên gia tham gia phúc thẩm, bình chọn công trình của doanh nghiệp hoặc của khu vực nơi họ sở tại để tránh nảy sinh hiện tượng không công bằng trong phúc thẩm công trình; chuyên gia phúc thẩm công trình không tham gia vào ban bình chọn, tránh thiên vị; mỗi năm thay đổi khoảng 1/3 số chuyên gia phúc thẩm và chuyên gia ban bình chọn, tránh hiện tượng các chuyên gia phúc thẩm và chuyên gia ban bình chọn do tham gia công tác bình xét cúp Lỗ Ban trong một thời

gian dài nên có quan hệ quá “thân mật” với một số doanh nghiệp, ảnh hưởng tới tính công bằng khi bình chọn.

3. Thống nhất nội dung và yêu cầu cơ bản của phúc thẩm, giảm bớt ảnh hưởng của các nhân tố khách quan trong quá trình phúc thẩm

Nhằm quy phạm công tác phúc thẩm cúp Lỗ Ban, năm 2010, căn cứ vào những vấn đề tồn tại trong công tác phúc thẩm, Hiệp hội Xây dựng Trung Quốc đã tổ chức các chuyên gia nghiên cứu, thảo luận và đề ra “Quy tắc công tác phúc thẩm cúp Lỗ Ban (thí điểm)”, quy tắc này đưa ra yêu cầu cụ thể đối với công tác phúc thẩm các mặt như nguyên tắc mà công tác phúc thẩm cúp Lỗ Ban phải tuân thủ, yêu cầu cơ bản của đánh giá công trình, nhiệm vụ và trình tự phúc thẩm công trình, trọng điểm phúc thẩm công trình, những nơi chủ yếu phải kiểm tra ngẫu nhiên chất lượng thực thể công trình, yêu cầu chất lượng của những nơi chủ yếu phải kiểm tra ngẫu nhiên trong thực thể công trình, tài liệu kỹ thuật công trình..., giảm bớt các nhân tố khách quan như không thống nhất về tiêu chuẩn kỹ thuật trong công trình phúc thẩm, vị trí kiểm tra ngẫu nhiên không thống nhất..., có tác dụng tích cực đối với việc quy phạm hành vi phúc thẩm cúp Lỗ Ban.

4. Xác định rõ kỷ luật phúc tra, ngăn chặn các hành vi tiêu cực trong quá trình thẩm tra

Bố trí tiếp đón tổ phúc thẩm phải giản dị, không được tiếp đón quá tiêu chuẩn, nhà ở chủ yếu là nhà khách, phòng đón tiếp nội bộ của chính quyền địa phương hoặc đơn vị hữu quan, không được biếu tặng quà, vật kỷ niệm hoặc tiền mặt, chứng khoán có giá, phiếu chi..., không được tổ chức du lịch hoặc bất kỳ hoạt động tham quan không liên quan với công tác thẩm tra.

Trong thời gian công tác thẩm tra, thành viên tổ phúc thẩm không được ra bên ngoài một mình; nếu buộc phải ra ngoài, phải được sự cho phép của tổ trưởng và phải về đội trong thời gian quy định dưới tiền đề không gây ảnh

hưởng tới công tác phúc thẩm.

Những sự việc đặc biệt của tổ phúc thẩm nảy sinh trong thời gian phúc thẩm phải được giải quyết thông qua thương lượng, thỏa thuận giữa liên lạc viên và đơn vị giới thiệu đề cử, các thành viên khác đều không được có sự qua lại về kinh tế với đơn vị giới thiệu đề cử, đặc biệt là với doanh nghiệp đang được kiểm tra.

Nghiêm cấm thành viên tổ phúc thẩm nhận quà cáp, vật kỷ niệm hoặc tiền mặt, chứng khoán có giá, phiếu chi... của doanh nghiệp đang được kiểm tra và hiệp hội hữu quan, không được tham dự các buổi tiệc tiếp đãi của doanh nghiệp, không được đưa ra yêu cầu không liên quan với công tác phúc thẩm với doanh nghiệp đang được kiểm tra và hiệp hội hữu quan...

Dưới sự chỉ đạo của tổ trưởng, liên lạc viên do Hiệp hội Xây dựng Trung Quốc phái tới chịu trách nhiệm về những công tác hữu quan như liên hệ với hiệp hội ngành hữu quan, doanh nghiệp được kiểm tra... bố trí lịch trình phúc thẩm... Liên lạc viên có thể dự thỉnh hội nghị tổng kết cuối cùng của tổ phúc thẩm đánh giá hạng mục công trình, nhưng không phát biểu ý kiến đánh giá phúc thẩm công trình.

5. Quy phạm quy trình bình chọn, bảo đảm tính công khai và công bằng của công tác bình chọn

Ban bình chọn cúp Lỗ Ban thường gồm 21 chuyên gia. Các chuyên gia này đều đến từ lực lượng chuyên gia của Hiệp hội Xây dựng Trung Quốc (chuyên gia do các tỉnh, các bộ, các ủy ban giới thiệu đề cử). Trước khi bắt đầu công tác bình xét, áp dụng biện pháp kết hợp rút tên ngẫu nhiên với các tỉnh, các bộ, các ủy ban giới

thiệu đề cử, tổ chức thành ban bình chọn. Rút tên ngẫu nhiên để bảo đảm tính công bằng, các tỉnh, bộ và ủy ban giới thiệu đề cử nhằm tránh phân bố không hợp lý về khu vực hoặc ngành. Thông qua việc nghe báo cáo phúc thẩm, nghiên cứu ảnh chụp công trình, xem xét hồ sơ, tài liệu đề nghị, chất vấn, cuối cùng ban bình chọn lựa chọn ra công trình đoạt giải cúp Lỗ Ban bằng phương thức bỏ phiếu ghi tên. Phương thức bình chọn nhiều người, ghi tên, dán kín bảo đảm tính khoa học và tính hợp lý của quá trình bình chọn.

6. Xác định rõ điều khoản xử phạt, bảo đảm các khâu đều minh bạch

Nếu vi phạm quy định hữu quan, tình tiết nghiêm trọng, có thể tước bỏ tư cách tham gia bình xét đối với doanh nghiệp đề nghị; tước bỏ tư cách phúc thẩm hoặc bình chọn đối với chuyên gia phúc thẩm, bình chọn, bị loại bỏ vĩnh viễn khỏi lực lượng chuyên gia của Hiệp hội Xây dựng Trung Quốc; đối với nhân viên công tác vi phạm quy định, kiến nghị đơn vị chủ quản xử lý nghiêm khắc; đối với các nhân viên thuộc Hiệp hội Xây dựng Trung Quốc, nếu vi phạm quy định, xử lý cảnh cáo, hạ cấp, cách chức thậm chí khai trừ tùy theo mức độ vi phạm.

Thông qua chế độ điều lệ, không những khiến cho trình tự bình xét khoa học hơn, nghiêm minh hơn và quy phạm hơn, mà còn ngăn chặn hữu hiệu các vấn đề tiêu cực có thể nảy sinh trong công tác bình xét.

Ngô Bảo Bình

Nguồn: Tạp chí "Xây dựng" TQ số 2/2011

ND: Hoàng Thế Vinh

Xây dựng cơ chế khoa học và công bằng trong quản lý đăng ký năng lực hành nghề

Những năm gần đây, căn cứ vào sự phát triển mới, yêu cầu mới của công tác xây dựng tác phong đảng viên liêm chính trong tình hình

mới và thời đại mới, Trung tâm Đăng ký năng lực hành nghề (gọi tắt là Trung tâm Đăng ký) thuộc Bộ Xây dựng, Nhà ở, Đô thị và Nông thôn

Trung Quốc (MOHURD) đã kết hợp với thực tế công tác, nghiêm túc phân tích hiện trạng của Trung tâm, điều chỉnh và hoàn thiện các khâu yếu kém có thể có vấn đề trong các công tác. Thông qua việc phát hiện ra những điểm không chặt chẽ, không cụ thể chi tiết, ngăn chặn kẽ hở mang tính chế độ; phát hiện ra “góc chết” trong kiểm tra quản lý, không bỏ sót; phát hiện ra các biện pháp đề ra trước đây không hiệu quả, ngăn ngừa lạm dụng quyền hạn, cấu thành tội phạm..., Trung tâm Đăng ký đã không ngừng hoàn thiện chế độ điều lệ nội bộ, tích cực tìm tòi sáng tạo mô thức công tác chống tiêu cực và đề xướng liên chính. Đồng thời, chú trọng vận dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật hiện đại, đặc biệt là công nghệ thông tin, tích cực phát triển phương thức công tác ngăn ngừa tiêu cực ngay từ các khâu đầu, nâng cao hơn nữa trình độ công tác xây dựng tác phong đảng viên liên chính và phòng chống tiêu cực, tham nhũng.

I. Ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng tác phong đảng viên liên chính

Công tác quản lý đăng ký năng lực hành nghề chủ yếu bao gồm thu thập thông tin nhân viên đăng ký, đề nghị đăng ký, quản lý số liệu về nhân viên đăng ký, thống kê phân tích tình hình đăng ký, giám sát hành vi nhân viên làm công tác đăng ký... Trong đó, các khâu như thu thập thông tin, ra đề bài, chấm bài, thẩm tra, ghi chép số liệu, cấp giấy chứng nhận... dễ nảy sinh vấn đề tiêu cực. Ví dụ, nhân viên công tác lạm dụng chức quyền khi phê chuẩn cho phép đăng ký, vượt thẩm quyền khi phê chuẩn cho phép đăng ký, vi phạm trình tự pháp định khi phê chuẩn cho phép đăng ký; cấp giấy chứng nhận đăng ký và đóng dấu giấy chứng nhận hành nghề cho người không đạt tiêu chuẩn, không phù hợp với điều kiện pháp định; cung cấp tài liệu giả, tiến hành đăng ký cho người không đủ điều kiện đăng ký, nhận hành nghề ở hai hoặc hơn hai đơn vị... Đứng trước tình hình này, Trung tâm đăng ký kết hợp với các phòng ban nghiệp vụ và nhân viên có trách nhiệm

chức năng tương ứng, tích cực vận dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật tiên tiến, đề ra biện pháp ngăn ngừa cụ thể, tìm mọi cách phá bỏ những hạn chế của không gian và thời gian đối với công tác xây dựng tác phong đảng viên liên chính và chống tiêu cực, đưa khoa học kỹ thuật và thông tin hóa vào công tác quản lý hàng ngày, từng bước hình thành cơ chế áp dụng biện pháp khoa học kỹ thuật và thông tin hóa để quy phạm công tác quản lý đăng ký.

1. Hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý đăng ký, tăng cường sự minh bạch của công tác quản lý đăng ký

a) Chú trọng nâng cao trình độ quản lý thông tin hóa. Trung tâm đăng ký luôn kiên trì áp dụng biện pháp khoa học kỹ thuật để nâng cao trình độ quản lý đăng ký, coi việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý đăng ký là biện pháp quan trọng trong ngăn ngừa nảy sinh hiện tượng tiêu cực, không ngừng quy phạm công tác giám sát quản lý hành vi của nhân viên công tác, thu thập thông tin, quản lý số liệu, phân tích thống kê, đề nghị đăng ký, kiểm tra và phê chuẩn đăng ký, thúc đẩy các công tác quản lý đăng ký phát triển theo hướng quy phạm hóa, chế độ hóa.

b) Không ngừng hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý đăng ký. Hiện nay, hệ thống thông tin quản lý đăng ký công trình sư, công trình sư khảo sát thiết kế, nhân viên quy hoạch đô thị, nhân viên xây dựng... cấp I đều được quản lý trên mạng máy tính, nâng cao trình độ và hiệu quả công tác quản lý đăng ký. Xây dựng hệ thống quản lý thông tin trên mạng cung cấp sự phục vụ với chất lượng cao, hiệu quả cao và thuận tiện cho đông đảo nhân viên hành nghề và doanh nghiệp. Việc đăng ký nhân viên và doanh nghiệp, thông qua đăng nhập trang cá nhân hoặc trang doanh nghiệp, có thể tìm hiểu rõ ràng toàn bộ quá trình thẩm tra tài liệu đăng ký, nắm vững tình hình tài liệu có đạt tiêu chuẩn hay không, các nhân viên hành nghề có đăng ký thông qua mặt bằng này, vừa có thể kịp thời

tìm hiểu tình hình thẩm tra phê chuẩn, vừa có thể giám sát công tác của Trung tâm đăng ký.

c) Tăng cường mức độ công khai minh bạch của công tác quản lý đăng ký. Trung tâm đăng ký chú trọng phát huy ưu thế thông tin hóa, tăng cường mức độ công khai minh bạch, không ngừng nâng cao mức độ minh bạch trong công tác quản lý đăng ký. Lợi dụng triệt để mạng lưới máy tính Trung tâm đăng ký, thực hiện hành chính công khai, cố gắng phấn đấu “ba công khai” – điều kiện công khai, trình tự và thời hạn công khai, kết quả công khai. Nội dung công khai toàn diện, trung thực, nhanh chóng và chính xác vừa tạo điều kiện thuận lợi cho quần chúng làm việc, tăng thêm độ minh bạch của công tác, tăng cường sự giám sát của xã hội và quần chúng, khiến cho các nhân viên đề nghị đăng ký phù hợp với tiêu chuẩn có thể nhận được giấy phép hành nghề một cách thuận lợi, tránh nảy sinh hiện tượng các nhân viên đề nghị đăng ký không phù hợp với tiêu chuẩn dựa vào quan hệ móc ngoặc, đi cửa sau để có giấy phép hành nghề, hạ thấp hữu hiệu rủi ro liên chính.

2. Thông qua biện pháp khoa học kỹ thuật, bịt kín kẽ hở về chính sách, chế độ

a) Xây dựng kho dữ liệu thông tin về thành tích kiểm tra, giấy chứng nhận năng lực, ngăn chặn hiện tượng giả mạo giấy chứng nhận. Ngoài việc thẩm tra chặt chẽ tài liệu đăng ký, Trung tâm đăng ký còn tăng cường công tác thẩm tra thành tích kiểm tra nhân viên đã đăng ký. Sau khi kết thúc mỗi một đợt kiểm tra, Trung tâm đăng ký đều cùng với cơ quan quản lý đăng ký cấp tỉnh xem xét tình hình kiểm tra đạt tiêu chuẩn, sau đó đưa số liệu nhân viên đã đạt tiêu chuẩn kiểm tra vào hệ thống đăng ký, xây dựng kho số liệu thông tin thành tích kiểm tra. Xây dựng kho thông tin, hai tầng quản lý của tỉnh và bộ đều nắm chắc đã ngăn chặn hiện tượng giả mạo giấy chứng nhận năng lực trong quá trình đề nghị đăng ký, giảm bớt các nhân tố can thiệp thô bạo và việc nhân viên công tác phải phân

biệt giấy chứng nhận năng lực thật hay giả.

b) Xây dựng mặt bằng thông tin, thực hiện cơ chế các chuyên ngành khác nhau, tỉnh thành khác nhau thẩm tra chéo qua mạng, ngăn ngừa đăng ký nhiều lần. Để ngăn ngừa nảy sinh hiện tượng một người đề nghị đăng ký ở nhiều đơn vị, Trung tâm đăng ký xây dựng mặt bằng tra cứu thông tin, thực hiện cơ chế các chuyên ngành khác nhau, tỉnh thành khác nhau thẩm tra chéo qua mạng, cài đặt chức năng tự động kiểm tra trên hệ thống thông tin quản lý đăng ký. Trung tâm đăng ký và cơ quan quản lý đăng ký cấp tỉnh đều có thể tự động kiểm tra trên mạng về nhân viên đăng ký các chuyên ngành, nâng cao hiệu quả và độ chính xác kiểm tra thông tin nhân viên đăng ký nhiều lần. Xây dựng mặt bằng tra cứu thông tin, vừa có thể ngăn ngừa hữu hiệu nảy sinh hiện tượng đăng ký nhiều lần, ngăn chặn hành vi mua bán giấy chứng nhận năng lực trong ngành, vừa hạn chế hành vi lạm dụng quyền hành, cấp trái phép giấy chứng nhận năng lực.

c) Thử nghiệm xây dựng hệ thống thu thập chữ ký tay, ảnh cá nhân, tăng cường giám sát nhân viên hành nghề. Nhằm tăng cường quản lý nhân viên đăng ký hành nghề, Trung tâm đăng ký cải tiến hệ thống thông tin quản lý công trình sư cấp I, công trình sư khảo sát thiết kế cả nước, tăng thêm chức năng thu thập ảnh và chữ ký tay của nhân viên đăng ký, tiến hành áp dụng thí điểm ở thành phố Thẩm Quyến. Thông qua việc xây dựng kho số liệu ảnh và chữ ký tay và ảnh của nhân viên đăng ký, Trung tâm đăng ký hoàn thiện thêm thông tin cá nhân nhân viên đăng ký, cung cấp thông tin đáng tin cậy cho công tác giám sát quản lý hành nghề.

3. Tăng cường giám sát quản lý và truy cứu trách nhiệm đối với nhân viên công tác

a) Xây dựng chế độ ghi nhật ký công tác của nhân viên. Thông qua chức năng nhật ký trên hệ thống thông tin quản lý đăng ký, Trung tâm đăng ký giám sát chặt chẽ hành vi thao tác của nhân viên công tác trên hệ thống thông tin. Mỗi

nhân viên công tác phải sử dụng mật mã (password) riêng của mình khi đăng nhập vào hệ thống thông tin, hệ thống ghi chép tỷ mỉ cụ thể từng bước thao tác của nhân viên thẩm tra tham gia vào công tác giám sát quản lý, thực hiện giám sát quản lý toàn bộ quá trình đối với nhân viên quản lý và thẩm tra. Nhân viên công tác sử dụng mật mã của hệ thống phải chịu trách nhiệm tương ứng. Nếu nảy sinh ra vấn đề, nhật ký tra cứu hệ thống sẽ hiện rõ, điều này quản lý chặt chẽ từng nhân viên công tác, cũng phát huy tác dụng trong việc ngăn ngừa hành vi tiêu cực.

b) Căn cứ vào những quyền hạn khác nhau, tăng cường giám sát quản lý công tác thẩm tra phê chuẩn. Trung tâm đăng ký phân loại quyền hạn sử dụng của nhân viên công tác quản lý theo nội dung công tác, thực hiện phân cấp quản lý trên hệ thống thông tin. Nhân viên công tác phổ thông của Trung tâm đăng ký và cấp tỉnh (thành phố) có quyền hạn phổ thông, phụ trách những công tác cụ thể như tiếp nhận, thẩm tra, phê chuẩn, công bố... số liệu; giám đốc Sở hoặc người phụ trách chủ yếu của ngành có quyền hạn cao hơn, có thể sửa chữa thông tin quan trọng số liệu đăng ký, đồng thời thực hiện chế độ lập hồ sơ; chủ nhiệm Trung tâm đăng ký và các lãnh đạo Vụ, Cục trong Bộ có quyền thẩm tra xét duyệt, không can thiệp vào thao tác nội dung công tác đăng ký cụ thể, chỉ giám sát quá trình và kết quả đăng ký nhân viên, giám sát quản lý công tác thẩm tra phê chuẩn đăng ký. Thông qua phân cấp quyền hạn, xác định rõ phân công trách nhiệm, Trung tâm đăng ký đã tăng cường giám sát quản lý công tác thẩm tra phê chuẩn đăng ký, đồng thời còn ngăn ngừa hữu hiệu nảy sinh hiện tượng vượt thẩm quyền trong cấp giấy chứng nhận đăng ký hành nghề.

c) Xây dựng chế độ thông báo, hồ sơ nhân viên, tăng cường quản lý nhân viên hành nghề. Phát hiện ra hành vi trái quy định - đề nghị đăng ký nhiều lần, Trung tâm đăng ký kịp thời

thông báo cho Bộ Xây dựng để xử phạt cá nhân đó, lưu quyết định xử phạt trên hệ thống thông tin. Dựa vào biện pháp kỹ thuật này, Trung tâm đăng ký có thể hạn chế hiện tượng đề nghị đăng ký nhiều lần, đồng thời còn bước đầu xây dựng hồ sơ nhân viên đã đăng ký. Trung tâm đăng ký đang đề ra biện pháp quản lý hồ sơ.

II. Kiện toàn cơ chế, chế độ, tăng cường xây dựng tác phong đảng viên liêm chính

Đồng thời với việc thực hiện các chế độ điều lệ, Trung tâm đăng ký còn chú trọng kết hợp với thực tiễn công tác, tích cực tìm tòi cơ chế công tác chống tiêu cực, kiên trì nguyên tắc quản lý nhân sự, quản lý công tác bằng chế độ, tăng cường công tác chống tiêu cực.

1. Xây dựng cơ chế chống tiêu cực, đề xướng liêm chính.

Gần đây, Chi bộ Đảng Trung tâm đăng ký luôn luôn kiên trì đưa việc giáo dục tác phong liêm chính vào hoạt động sinh hoạt Đảng định kỳ của Chi bộ, kiên trì chế độ hóa, thường xuyên hóa hoạt động này, đồng thời còn ra sức đa dạng hóa hình thức giáo dục. Thông qua các hình thức giáo dục tuyên truyền như hoạt động của tổ chức Đảng, sinh hoạt dân chủ cán bộ lãnh đạo..., tăng cường những biện pháp mới như phụ đạo bằng phim ảnh, tổ chức học tập trực tuyến trên mạng của Trung tâm đăng ký... Trong giáo dục, nhấn mạnh trọng điểm, chú trọng hiệu quả. *Thứ nhất*, kiên trì giáo dục chống tiêu cực, đề xướng liêm chính với đối tượng trọng điểm là cán bộ lãnh đạo, đảng viên, nhấn mạnh cán bộ lãnh đạo, đảng viên phải tự giác học tập, trau dồi, gương mẫu, phát huy tác dụng tiên phong; *Thứ hai*, kiên trì gắn giáo dục chống tiêu cực, đề xướng liêm chính với thực tiễn, tổ chức cho cán bộ, đảng viên kịp thời học tập và lĩnh hội tinh thần chỉ thị của công tác xây dựng tác phong đảng viên, tổ chức học tập các tấm gương điển hình về chống tiêu cực, đề xướng liêm chính ...

2. Xây dựng hệ thống chế độ chống tiêu cực, đề xướng liêm chính

Trung tâm đăng ký xoay quanh công tác trọng tâm, thiết thực xây dựng tác phong đảng viên chống tiêu cực, đề xướng liêm chính, xây dựng và hoàn thiện các biện pháp chế độ.

a) Chế độ hội nghị liên tịch Đảng - Chính quyền. Trung tâm đăng ký luôn luôn coi việc tăng cường xây dựng ban lãnh đạo là công tác quan trọng. Về nguyên tắc, Trung tâm đăng ký kế tục chế độ hội nghị cũ, xây dựng thêm hội nghị liên tịch Đảng - Chính quyền. Quyết sách những vấn đề quan trọng như miễn nhiệm và điều phối nhân sự Trung tâm, bình chọn tiên tiến, chi tiêu khoản lớn... đều được tập thể hội nghị liên tịch Đảng - Chính quyền thảo luận quyết định trên cơ sở thống nhất nhận thức trong ban lãnh đạo. Chế độ hội nghị liên tịch Đảng - Chính quyền đã xóa bỏ hữu hiệu thói quen “độc thoại”, quyết sách một cách mù quáng, tăng cường mức độ minh bạch trong quyết sách của ban lãnh đạo, nâng cao tính dân chủ, tính khoa học của quyết sách, phát huy tác dụng ngăn ngừa các hành vi tiêu cực.

b) Chế độ sinh hoạt dân chủ của cán bộ lãnh đạo. Trung tâm đăng ký căn cứ vào tinh thần “Quy tắc về đời sống chính trị trong Đảng” và “Quy định về sinh hoạt dân chủ của cán bộ lãnh đạo, đảng viên trong cơ quan Đảng và Nhà nước”, nghiêm túc thực hiện chế độ sinh hoạt dân chủ của cán bộ lãnh đạo, kiên trì coi liêm chính là nội dung quan trọng của sinh hoạt dân chủ. Mọi người đều thông qua phê bình và

tự phê bình, không ngừng cải tiến tác phong công tác.

c) Chế độ kiểm tra bình xét hàng năm đối với nhân viên. Bắt đầu từ năm 2006, Trung tâm đăng ký cải tiến biện pháp kiểm tra bình xét hàng năm đối với nhân viên, lập bảng kiểm tra bình xét hàng năm đối với nhân viên, coi xây dựng liêm chính trong nhân viên là nội dung quan trọng của kiểm tra, thúc đẩy nâng cao ý thức liêm chính.

d) Chế độ tài vụ và chế độ quản lý tài sản cố định. Đối với những khâu dễ nảy sinh vấn đề như quản lý tài vụ, tài sản cố định..., Trung tâm đăng ký đề ra “Chế độ tài vụ” và “Chế độ quản lý tài sản cố định”. Hai chế độ này có tác dụng rõ nét trong việc quy phạm công tác quản lý tài vụ, quản lý tài sản cố định của Trung tâm, ngăn ngừa nảy sinh các hiện tượng vi phạm về tài chính kinh tế, chống thất thoát tài sản nhà nước.

e) Chế độ bình chọn phòng ban tiên tiến và cá nhân tiên tiến. Từ năm 2006, Trung tâm đăng ký cải tiến biện pháp bình chọn phòng ban tiên tiến và cá nhân tiên tiến, cụ thể hóa điều kiện bình chọn, quy định “chế độ một phiếu phủ quyết công tác liêm chính”, xóa bỏ tư cách đối với phòng ban và cá nhân vi phạm quy định liêm chính.

Vô Ngôn

Nguồn: Tạp chí “Xây dựng” TQ số 2/2011

ND: Hoàng Thế Vinh

HỘI THẢO

“NHÀ THẦU VIỆT CẦN GÌ ĐỂ THẮNG THẦU”

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2011



Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh phát biểu tại Hội thảo



Toàn cảnh Hội thảo